

KỶ NIỆM

200 NĂM SANH-NHÚT ★
★★★ ĐỨC TÀ-QUÂN



UÀ 50 NĂM TRI ÂN LẤP
ĐỊ THƯỢNG CÔNG QUÍ

Tiêu-sứ Đức Tà - Quận Thượng - Công

Lược trình lai-lịch Lăng Ông Bà-Chiêu
và những hoạt-động của Hội Thượng-Công Qui

Đã in tại Sài Gòn, ngày 15 tháng 11 năm 1964.

H.T.C.Q.T. (G.D.)

Kính Biết

HỘI TRƯƠNG


HUỲNH CÔNG THÀNH



KÝ - NIỆM

200 NĂM SANH-HHỤT ĐỨC TẨ-QUÂN

—VA—

50 NĂM THÀNH - LẬP HỘI THƯỢNG-
CÔNG QUÍ-TẾ

THIMSACH.COM.VN



I.—Tiểu-sử Đức Tả - Quân Thượng - Công

II.—Lược trình lai-lịch Lăng Ông Bà-Chiều
và những hoạt động của Hội Thượng-Công Quý
Tế qua 5 đời Ban Quản.Trị từ 1914 đến 1964.

Lời nói đầu

Để kỷ-niệm năm Đức Thượng-Công Lê Tả-Quân 200 tuổi (sinh Giáp-thân 1764 đến Giáp-thìn 1964) và 50 năm thành-lập Hội Thượng-Công Qui-Tế (1914 - 1964),

Chúng tôi hân-hạnh công-hiến quý-vị quyền sách trang-trọng kè-thuật tiều-sử của Ngài và lược-trình lai-lịch cùng hoạt-động của Hội Thượng-Công Qui-Tế.

Chúng tôi xin mang phép nhắc lại : Đã có một lần, năm 1931, Hội Thượng-Công Qui-Tế định tổ-chức Lễ Kỷ-Niệm Bách-Chu-Niên ngày Đức THƯỢNG-CÔNG tạ-thế, nhưng gặp thời-kỳ kinh-tế khủng-hoảng nên không thiết-hiện được.

Nay, theo đuổi ý-nguyễn cao-dep đó, chúng tôi cù-hành LỄ KỶ-NIỆM ĐỨC THƯỢNG-CÔNG 200 TUỔI và đồng-thời kỷ-niệm 50 năm thành-lập Hội :

Trước là kinh-cần dâng lên Đức THƯỢNG-CÔNG trọn lòng chân-thành tri-ân của Hội đối với Ngài, vì anh-hùng dân-tộc đáng ngàn đời nêu gương cho hậu-thế ;

Sau là ghi nhớ ân-nghĩa chư vị tiền-bối có công sáng-lập
Hội Thương-Công Qui-Tế, và các bực đàn anh cùng quý-vị
thiên-nam tin-nữ nhiều gian-lao, dày âm-đức duy-trì Hội nhà
suốt nửa thế-kỷ đã qua.

Cầu xin Đức THƯỢNG CÔNG
gia-hộ cho tất-cả chúng ta !

Gia-dịnh, ngày 18 tháng 10 Giáp-thìn
(21-11-1964)

Thay mặt toàn-thể hội-viên H.T.C.Q.T,
Hội-Trưởng,

HUỲNH - CÔNG - THÀNH

Lược-sử

Khâm sai Gia-định thành Tông-Trần
Chưởng Tả - Quân Quận - Công

LÊ-VĂN-DUYỆT

(1764 - 1964)

LƯỢC - SỬ
**KHÂM-SAI GIA-ĐỊNH-THÀNH TỔNG-TRẦN
CHƯỞNG TẢ-QUÂN QUẬN-CÔNG**
LÊ - VĂN - DUYỆT
(1764 - 1832)

I.— TRONG LÚC LÊ-CÔNG CÒN THƠ-ẤU

Khâm-sai Chưởng Tả-quân-dinh Bình-Tây Tướng-quân Quận-công tánh LÊ húy DUYỆT, sinh vào năm giáp-thìn (1764) tại miền thôn-dã keo-cư gần vòm Trà-lợt (nay thuộc làng Hòa-Khánh tỉnh Định-tường).

Nội-tồ của Lê.Công (1) là Ông LÊ-VĂN-HIẾU (2) từ Quảng-nghĩa thiên-cư vào đây.

Sau khi Ông Lê-Văn-Hiếu qua đời, thân-phụ của Lê Công là Ông LÊ-VĂN-TOAI rời vòm Trà-lợt, dề huề gia-quyến đến cư-trú tại vùng Rạch-Gầm, ở bên rạch Ông Hồ, nay thuộc làng Long-hưng (Định-tường).

(1) Về Tả-quân Quận-công, xin dùng danh-từ « Lê-Công »

(2) Sau được truy-phong Quang-liến Chiêu-nghi Tướng-quân Hiếu-thuận-hầu.

Trong hồi này, dân-chúng từ sông Gianh (3) đến mũi Cà-mau dương sông một đời sông vô cùng diệu-dừng. Ấy vì quyền thần Trương-Phúc-Loan đã kiều di-mang, sau khi Võ-vương Nguyễn-phúc-Khoát (4) lia tràn (tháng 5 năm Ất-Dậu, 1765), để lập công-tử thứ 16 lên gìn mỗi nước trong lúc tuổi mới 12.

Đây là Định-vương Nguyễn-phúc-Thuần, người mà nhiều sách chép là « vua Duệ-Tông » vì về sau Định-vương được truy-tòn miếu-hiệu « Duệ-Tông Hiếu-Định Hoàng-Đế ».

Cứ chúa còn ít tuổi đẽ dẽ bè tac oai tac phước, Trương-phúc Loan tự gia phong lên chức Quốc phò, chưởng Hộ-bộ-sư-lại quản Trung-tương cơ, lại kiêm luôn Tào-vụ, (1) Trương-phúc Loan cho người nhà thâu thuế rồi chỉ nộp kho độ 1, 2 phần mười, lại còn bán chức-vị, hại hiền nhân, khiến cho kho tàng trống rỗng, triều hành rối beng.

(3) Ở phía Nam Đèo Ngang, chỗ giáp-giới Hà-tinh và Quảng-Bình.

(4) Thụy-quốc-Công Nguyễn-phúc-Nguyên thì đương thời gọi là chúa Sái, Đông Quốc-công Nguyễn-phúc-Tần thì đương thời gọi là chúa Hiền (tức Sái vương, Hiền-vương)... Đến năm Giáp-Tí (1744) Nguyễn-phúc-Khoát mới xưng Vương-hiệu, tức Võ-vương, định triều phục và chia « nước » (từ sông Gianh trở vào) làm 12 dinh.

(1) Hộ-bộ lo việc thuế khóa kho tàng : Trung-tương-cơ là đạo Trung-quản tương-binh ; Tào-vụ lo việc tàu-thuyền (Thủy-quản)

Trong triều thì thế mà ngoài quan thì binh nǎng hué cao,
quan tham lại nhũng, dân gian dồ-thân nhọc-nhần.

Vì thế nên khi Tây-Sơn trương ngọn nghĩa-kỳ, quốc-dân
coi Nhạc, Huệ như người vớt mình lên khỏi vực sâu, cứu
mình ra khỏi lửa đốt, đua nhau theo về như mây nhóm.

Đầu năm Ất-mùi (1775), Định vương phong Hoàng-tôn-
Dương (2) làm Thế-tử gọi là Đông-cung dạy trấn giữ Cu-dê (3)
Đương (2) làm Thế-tử gọi là Đông-cung dạy trấn giữ Cu-dê (3)

Rồi vào tháng 2, Định vương sai Nguyễn-cửu-Dật hộ-gia,
theo đường biển chạy vào Gia-dịnh.

Giữa đường gặp bão, các thuyền tùy già đều chìm, duy có
thuyền của Định-vương đi với Nguyễn-phúc-Ánh (4) — tuổi
vừa 14 — là được bình yên tới Bến Nghé.

Đầu năm Bình-thân (1776), em Nguyễn-Nhạc là Nguyễn.
Lữ vào đánh Bến Nghé, Định vương chạy ra Hồ Tràm (Bà rịa).
Kế đó, Đô-Thanh-Nhơn mộ được binh sĩ tại Ba giồng (5)

(2) Dương là con Nguyễn-phúc-Hiệu, và Hiệu là con thứ 9 của
Võ-vương.

(3) Nay là Nam-đò, xã Cu-dê huyện Hòa-vang (Quảng nam)

(4) Ánh là con Nguyễn-phúc-Luân, và Luân là con thứ 2 của
Võ vương. Vây Đông-cung Dương và Ánh đều gọi Định-
vương bằng chú.

(5) Ba-giồng (chép ra chữ Hán là Tam-phu) là ba con giồng
lớn chạy dài qua hai huyện cũ : Kiên-hưng và Kiên-đảng
của tỉnh Định-tường, một mặt thi sòng rộng mênh-mông
(Tiền-giang), một mặt thi đồng lầy rùng-rú bao la (Đồng
tháp-mười).

đặt tên là đạo quân Đông-Sơn, từ Mỹ-Tho kéo lên đánh đuổi Nguyễn-Lữ.

Đinh-vương về Sài-gòn và phong cho Đỗ-Thanh-Nhơn làm Ngoại Hữu Phương quân-công.

Bấy giờ Lưu-thú Long-hồ-dinh là Tống-Phước-Hiệp đã ra đánh lấy lại hai dinh Bình-thuận và Bình-khương, nên từ Ninh-hòa đem bồn-bộ binh-mã vào Sài-gòn tiếp-viện. Qua tháng 6 Tống Lưu-thú qua đời (1) bộ tướng của Ông là Lý-Tài (nguyên là tướng của Tây-Sơn về hàng, cầm đầu đạo-quân Hòa-nghĩa), vì tị hiềm với Đỗ-thanh-Nhơn, chiếm núi Chiêu-thời (2) của Trần-biên dinh (Biên-hòa) mà làm phản.

Tháng 10, Đông-cung trốn được vào Sài-gòn. Đinh-vương sai người dụ Lý-Tài. Lý-Tài lại bức rước Đông-cung thẳng lên Thủ-dầu-một.

Đó là : Giồng Kiến-dịnh (nay là vùng Tân-hiệp), Giồng Cai-Lữ (nay là vùng Thuộc-nhiều) và Giồng Ông Triệu, cách Thuộc-nhiều đợ 20 cây số về phía Tây.

(1) Từ thời Võ-vương, Lưu-thú Tống-phước-Hiệp trấn-giỮ Long-hồ-dinh (gồm Vĩnh-long và miền Hậu-giang), được dân-chúng mang ân mến đức. Khi Ông mất, Đinh-vương truy-tặng Ông tước Hữu-phủ Quốc-Công và dân chúng lập đèn thờ Ông tại tỉnh-lỵ Vĩnh-long ; đến nay, tại «Tống-Quốc Công-Miếu» vẫn đêm ngày khói hương không dứt.

Hồi này, Bình-khương-dinh gồm Bình-khương-phủ (nay là Ninh-hòa) và Diên-khánh-phủ (nay là Nha-trang) ; vây Bình-khương-dinh là tỉnh Khánh-hòa ngày nay.

(2) Người ta quen gọi là «núi Châu-thời».

Đầu tháng 11, Tài đưa Đồng-cung về Sài-gòn, và ba ngày sau thi Định-vương bị ép nhường quyền cho Đồng-cung : Đồng-cung xưng hiệu là Tân-chánh-vương và tôn Định-vương lên làm Thái-thượng-vương.

Vì thế, Đỗ-thanh-Nhơn bỏ về Ba-giồng với thuộc-hạ.

Biết Lý-Tài ngang-ngạnh khó trị, Nguyễn-phúc-Ánh xin Thái-thượng-vương cho xuống Mỹ-tho chiêu-dụ nhóm Đồng-sơn.

Tháng 3 năm Định-dậu (1777), Nguyễn-Huệ đem quân Thủy-bộ vào Gia-dịnh. Lý-Tài xuất binh cự-chiến. Xảy có Trương-phước-Thận từ Cần-giuộc kéo quân về tiếp. Xa trong cờ xi, Lý-Tài tưởng Đồng-sơn ồ lên nên truyền tướng-sĩ lui lại. Quân Tây-Sơn thừa thế đánh nã. Lý-Tài cả thua, dân tàn binh chạy về phía Mỹ-tho, bị nhóm Đồng-sơn giết sạch.

Tân-chánh-vương chạy xuống Bến-tranh (Mỹ-tho), còn Thái-thượng-vương chạy đến Rạch Chanh (3).

Được Nguyễn-phúc-Ánh đem bốn ngàn quân Đồng-sơn đến tiếp, Thái-thượng-vương bèn đóng binh tại Cai-tài (1) để làm thế ỷ-giác với Tân-chánh-vương.

Tháng tư, Nguyễn-Huệ đánh Cai-tài. Thái-thượng-vương và Nguyễn-phúc-Ánh chạy xuống Long-hưng — tức quê-hương của Tà-quản Lê-Công — rồi thẳng vào Cần-thơ.

(3) Chép ra chữ Hán là « Đăng-giang », Rạch Chanh ở về hưu-nghìn Vầm-cô Tây, gần cầu Tân-an.

(1) Chép ra chữ Hán là Tài-phụ ; gần Tân-an

Thắng trận Cai-tai, Tây-son đánh Bến-tranh, Tân-chánh-vương chạy qua Ba-vát (2), rồi bị bắt và bị giết.

Thái-thượng-vương và Nguyễn-phúc-Ánh, sau khi vào Cần-thơ liền thẳng đến Kiên-giang-dạo (Rạch-gia), có Mạc-Thiên-Tử bảo-giá và Mạc-Tử-Dung đoạn-hậu. Chẳng được bao lâu, đế cha con họ Mạc trấn-thủ Kiên-giang, chúa chầu chùa Nguyễn xuống Long-xuyên-dạo (nay là Cà-Mau).

Tháng 9, Thái-thượng-vương bị Chưởng-cơ Thành của Tây sơn bắt giết. Nguyễn-phúc-Ánh nhờ có chiếc ghe riêng hiệu « Thủ-quyền » nhỏ nhẹ, do Tắt Thủ Khoa (3) và sông Ông Đốc mà thoát ra Hòn Đất (4).

Chờ khi Nguyễn-Huệ về Qui-nhơn, Nguyễn-phúc-Ánh từ Hòn-Đất vào Cà-mau, thẳng lên Sa-déc, đánh chiếm Long-hồ (Vĩnh-long) rồi khắc-phục Sài-gòn vào tháng 11 năm đinh-dậu (1777).

Qua tháng giêng mậu-tuất (1778), Nguyễn-phúc-Ánh tự xưng Đại-nguyễn-soái để cầm mối nước trong lúc tuổi vừa 17.



II.— LÊ-CÔNG RA GIÚP NƯỚC

Tới đây chánh-sứ chưa chép tên Tả-quản Lê-Công.

(2) Trên cù-lao Minh, gần Mô-cát (Bến-tre, nay là tỉnh Kiên-hòa)

(3) Chép ra chữ Hán là Khoa-giang, và quen gọi tắt là Tắt Thủ.

(4) Chép ra chữ Hán là Thủ-châu (chữ « châu » là « son ») ; người Pháp gọi « Poulo Panjang » ; không phải là Hòn Đất gần Hòn Sóc Hòn Chong trên đường Hà-tiên, Rạch-gia.

Chúng ta thấy Nguyễn-phúc-Ánh đã ở luôn trong vùng Ba-giồng ngót bốn tháng trường từ cuối năm Binh-thân (1776), và trong tháng tư đinh-dậu (1777), lại cùng Thái-thượng-vương chạy ngang Long-hưng để thẳng đường vào Cần-thơ, Rạch-gia.

Tuy vậy, chúng ta không chắc được rằng Lê - Công đã theo giúp chúa Nguyễn trong hồi này như lời truyền thuyết, vì bấy giờ Lê - Công mới 13, 14 tuổi, không thể súng vào việc binh - nhung, nhứt là đương lúc chúa Nguyễn phải xung Đông kích Tây, phải bôn Nam tâu Bắc.

Chúng ta nhận thấy rằng Nguyễn-phúc-Ánh từ xung Đại-Nguyễn soái vào tháng giêng mậu tuất (1778), chúng ta biết thêm rằng cũng trong năm này, Nguyễn - phúc - Ánh kết hôn với con gái Ngoại. Tả Tống- phước-Khuông, và tháng 3 kỷ - hơi (1779), tiếp Từ - già (1) từ Quảng - tri chạy vào . Qua tháng giêng canh - ti (1780), Nguyễn - phúc - Ánh tức Vương - vị và phong Bà Tống - thị làm Nguyễn-Phi (2) Vậy ở nội - đình cần có nhiều thái - giám.

Vì chúa Nguyễn - phúc - Ánh đã có rất nhiều người cùng xứ Ba - giồng với Lê - Công phụ giúp, và chắc chắn hầu hết

(1) Thán mâu của Nguyễn-phúc-Ánh ; sau này chép là «Quốc-mẫu».

(2) Nhiều sách chép : « Sau khi tức Vương - vị, Nguyễn-phúc-Ánh cưới con Tống-phước-Khuông . . . ». Không phải thế, Kết hôn từ năm Mậu tuất, Bà Tống - thị được lập làm Nguyễn phi vào tháng giêng Canh ti và qua tháng 3 năm này, sanh Hoàng-lử-Canh.

các quan văn võ này đều biết Lê - Công là người sanh vốn lân cung, nên chúa Nguyễn tuyển Lê-Công làm thái giám vào năm canh tị (1780), năm mà nhà Lê - Công được 17 tuổi.

Ít lâu sau, Nguyễn - vương thấy Lê Công lạnh lẽo, lại có sức khỏe, bèn đổi làm Cai - cơ coi hai đạo quân Thuộc - nội.

Tháng 3 nhâm - dần (1782) nghe Ngoại - Hữu Đỗ thanh - Nhơn đã chết, vua Thái-Đức Nguyễn - Nhạc cùng em là Nguyễn Huệ vào Sài - gòn.

Sài - gòn thất thủ, Nguyễn vương chạy xuống Rạch-Gầm, Cai - lữ (Thuộc-Nhiều), rồi lại thua và chạy ra Phú-Quốc với Quốc mẫu cùng cung - quyến do Lê - Công bảo - vệ.

Tháng 5, vua Thái-Đức và Nguyễn Huệ về Qui - nhơn.

Tháng 6, Chau-văn-Tiếp từ Phú-yên trương cờ « Lương-Sơn là quốc » kéo quân vào khắc - phục Sài - gòn, rồi sai người ra Phú Quốc báo tiếp và thỉnh chúa hồi loan.

Sang đầu năm qui mão (1783), Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ lại kéo binh - thuyền vào. Sài gòn lại thất thủ. Nguyễn-vương phải lội ngang sông Tân-An (Vàm - cổ Tây) để qua Rạch Chanh, rồi cùng Lê Công trước Quốc - mẫu và cung - quyến ra Phú-quốc, ở tại mũi Đá - Chồng.

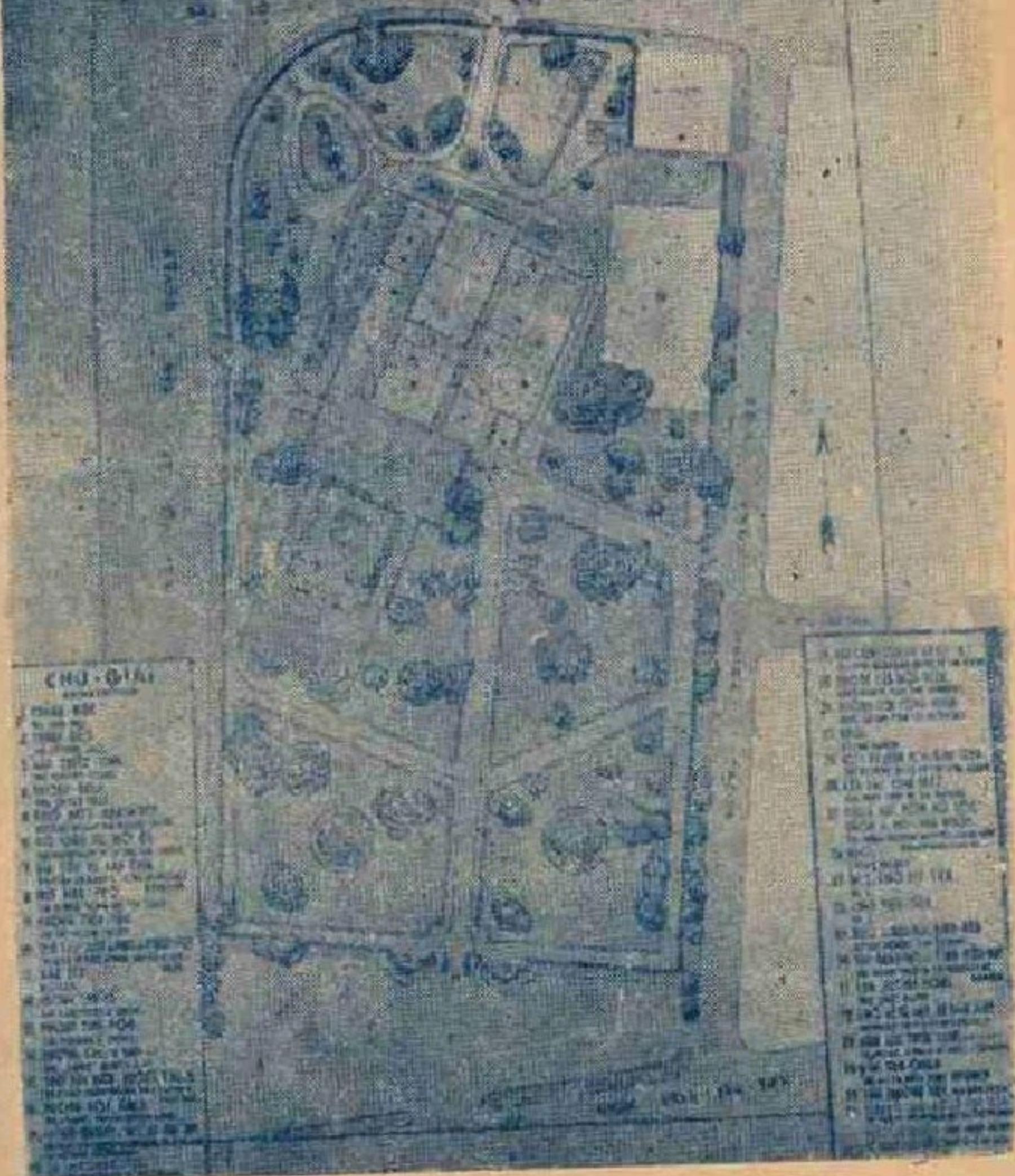
Kế Tây-sơn đánh Phú-quốc rất ngọt. Nhờ Cai-cơ Lê-Phước  Điền rước lấy ngũ-phục mặc vào cho quân Tây-sơn bắt, Nguyễn-vương mới thoát nạn.

Tháng 8, chúa tôi từ Hòn Chồng, chạy ra Hòn Đất. Từ Sài-gòn thất-thủ, Nguyễn-vương và các tùng-thần cờ Lê-Công, Nguyễn-van-Thành..., vô-cùng cực khổ, khi thi chạy mãi ngoài khơi đến

TỔNG KẾ ĐỊCH THƯƠNG CỘNG LỄ TÀ - QUAN

MAP OF HANOI'S LE YEN SOVET & TOMB AND OF HIS TEMPLE

CHI - 1948



Bản đồ vị trí và các chòi nõi Lăng-Miếu



THIEN HUONG VIET NAM.VN

QUẢNG-NAM



THƯ VIỆN HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN VN

bết nước uống, khi thi đói ngày chẳng có cơm ăn, lâm lúc
Nguyễn-vương thân ra cầm chèo đè tùng-thần dưỡng sức.. (1)

Đến tháng 2 giáp-tị (1784), Nguyễn-vương cùng vài mươi
tướng-sĩ sang Xiêm cầu-viện. Tháng 6, vua Xiêm cho 20 ngàn
quân và ba trăm chiến-thuyền sang giúp.

Tháng 11, đại-bại tại Rạch Gầm, Xiêm-quân chỉ sống sót
vài ngàn và mất cả chiến-thuyền tại đây ; Nguyễn-vương cùng
Lê-Công và 12 tùng-thần băng đồng đến vùng Cái-thia, gian-
lao khôn xiết kẽ.

Sau đó, chúa tôi cùng nhau « ăn Tết » tại Hòn Đất.

Tháng 2 ất-tị (1785), Tây-son ra đánh Hòn Đất. Lê-Công,
Nguyễn-văn-Thành, Nguyễn-đức-Xuyên... bảo-vệ Nguyễn-
vương và cung-quyền chạy lên Cô-cốt, rồi sang Vọng-các.

Người Xiêm, sau trận Rạch Gầm, miệng tuy nói lớn lối
mà bụng thi sợ Tây-son như cọp, cứ nay lần mai lừa, không
dám ra quân phục-thù và giúp chúa Nguyễn.

Biết vậy, đêm mùng 1 tháng 7 đinh-mùi (1787), sau khi Lê-
Công được lệnh đưa cung-quyền xuống thuyền đi trước, Nguyễn-
vương đè thơ từ-tạ rồi cùng tùng-thần, quân-sĩ lên vua Xiêm
thẳng tới Hòn Tre, đoạn qua Phú-quốc.

Tuy bị thua luôn mấy trận qua tháng 7 mậu-thân (1788),
Nguyễn-vương nhờ Võ-Tánh đem cả vạn Kiến-hòa-quân (2) về

(1) Theo « Thực lục »

(2) Huyện Kiến-hòa nay là vùng Chợ-giao, gồm cả Gò-công.
Người Kiến-hòa trong đạo-quân của Hoài-quốc-công Võ-
Tánh thi vẫn có Hình-bộ Tham-tri Nguyễn-Hoài-Quỳnh
(cùng bị vây tại Bình-định) và có Chưởng-cơ Phạm-văn-An,
Chưởng-cơ Nguyễn-phụng-Giao (ai người cùng chết trong
thành Bình-Định) Hầu-quân Phó-tướng Mạc-văn-Tô,
Chưởng-cơ Huỳnh-văn-Tử...

giúp mà đánh lấy Ba-giồng rồi khắc-phục Sài-gòn lần thứ tư
ngày mồng 8 tháng 8.

Tháng giêng kỷ-dậu (1789), nghe vua Quang-Trung bàn việc
thâu-phục Thăng-long, Nguyễn-vương đem binh đến Ba-thắc
đánh Phạm-văn-Tham. Bị bộ-tướng trả lòng, Phạm-văn-Tham
thất thế phải xin hàng.

Thế là từ đây, trọn đất Đồng-nai thuộc về chúa Nguyễn.



III. — XUẤT TRẬN LẬP KỲ CÔNG.

Cũng từ đầu năm kỷ-dậu, (qua bao năm bôn ba, trận mạc
trái nhiều, Lê-Công hay cùng các chiến-lưu bao việc binh
nhưng và luận tài tướng lãnh).

⊕ Một hôm, nghe các bạn nói về tài cầm binh giỏi của Tống
viết Phước (1) và Nguyễn-văn-Thành, Lê-Công không đồng ý,
bảo rằng : « Hai người ấy cũng chưa có thể gọi là toàn tài, ông
Phước thì dư dỗng mà kém mưu, ông Thành thì mưu thừa mà
dỗng thiểu. Theo tôi thì chỉ có ông Tôn-thất-Hội mới là người
đủ trí dỗng. Sau này nếu tôi có cầm binh thi quyết phải làm
được như ông này ».

Nguyễn - vương chợt đi qua, nghe rõ, thung - dung hỏi :

— Người cũng có thể cầm binh được sao ?

(1) Ông là người huyện Bình-dương (nay là vùng Sài-gòn - Chợ-lớn)

— Bầm, được.

Nguyễn vương tỏ ý bỗng lòng.

Lê - Công bèn xuôi chiêu-mộ quân - sĩ gop công đánh giặc.
Nguyễn - vương ưng cho.

Năm quý - sưu (1793), Lê - Công tung chinh ra đánh Qui-nhơn.

Vào lúc tháng 6, tại thành Qui-nhơn, vua Thái-Đức sai con là Tiêu-triều Nguyễn-văn-Bửu đóng binh dài từ tháp Bánh-it (2) tới Úc-son (3). Binh Nguyễn-vương hại mặt đánh dồn, Nguyễn-văn-Bửu phải lui về, cùng cha cố-thủ Qui-nhơn-thành.

Nhờ có công tại mặt trận Úc-son, Lê-Công được thắng Thuộc-nội Vệ-uy tùy-thuộc đạo Thần-sách-quân.

Đầu năm ất mão (1795), đại-quân ra cứu-viện Diên-khánh (4) đương bị vi khôn mà tướng thủ-thành là Hậu-quân Võ-Tánh và tướng vây thành là Thiếu-phó Trần-Quang-Diệu.

Đến cửa Cù-huân (Nha-trang), Nguyễn-vương dạy Lê-Công lén bờ bắn súng to cho trong thành biết. Rồi hai bên đánh nhau mãi mà thắng bại chưa phân.

-
- (2) Cũng gọi Thô-son, gần cầu Bà-Di, tại ngã ba tê đỉ Tây-son, sách chữ Pháp chép là Tours d'Argent, cách tỉnh-lỵ Qui-nhơn 16 cây-số về phía Bắc.
- (3) Cũng gọi là núi Hòn Rồng, ở phía Bắc phủ-thành Tuy-phú-ốc.
- (4) Diên-khánh nay còn cố-thành, cách chầu-thành Nha-trang 10 cây số.

Riêng Lê-Công thi cùng Chưởng Tượng-quân Xuyên-quân công Nguyễn-Đức-Xuyên đánh dồn Trung-hội khá lâu mà không hạ được. Lê-Công bàn với Nguyễn-Đức-Xuyên rằng : « Dồn này nhỏ mà kiên-cố, rất khó công hảm. Nay không chi bằng ta chia binh làm hai đạo, tôi do mặt sau, đánh tôi, ông thừa-hư đốc quân phá lũy phia trước. Phá được lũy, ông cho thúc trống hô reo mà vào thì dồn ắt hạ ».

Nguyễn-Đức-Xuyên còn ngại, hỏi : « Chưa có thương-linh thì làm sao ?

Lê-Công dõng-dạc đáp : « Đã có thương-linh, nếu có tội và gi thi tôi xin cam chịu cả. »

Đoạn Lê-Công xua binh qua sông đánh mặt sau dồn, Nguyễn-Đức-Xuyên phải y kẽ. Và dồn bị hạ.

Nguyễn-vương ngự đến viếng dồn vừa chiếm được. Lê-Công xin chịu tội trộm-linh. Nguyễn-vương dạy : « Lâm trận biết liệu mưu và thủ thắng thì được nêu công chờ có tội gì. »

Năm dinh-tị (1797), Nguyễn-vương cài phong Lê-Công chức Vệ-Úy vệ Diệu-võ, lại đổi làm Chánh-thống Tả-dồn của đạo quân Thần-sách và dạy trấn-thủ Diên-khánh-thành.



IV.— BÌNH ĐỊNH RẠNG DANH

Đầu năm kỹ-mùi (1799), tùng-chinh ra Qui-nhơn, Lê-Công đánh dồn Nước-ngot (Đè-di), đốt tiêu kho lương và chém tướng Tây-sơn rồi gởi thủ-cấp về hiến Nguyễn-vương, bấy-giờ đương đóng hành-dinh tại vịnh Cù-móng. Quân-thanh đại-chấn.

Dời ra đóng tại Tân-quan (1), Nguyễn-vương bèn sai Võ-Tánh kéo binh đến vây thành Qui-nhơn (2) còn Lê-Công và Tống-viết-Phước thì được lệnh dẫn quân ra giữ mặt Bình-dέ (3), ngăn viện-binh của Tây-sơn từ Thuận-hóa vào.

(1) Tân là bến, Quan là ải ; người Pháp gọi lầm là Tam-quan, nay vẫn gọi là Tam-quan. Ở đây có rất nhiều dừa ; nên ta thường nghe hát : « Công đầu công thãi công thừa »

« Công đầu gánh nước tưới dừa Tân-quan »

(2) Xin lưu ý : Thành này trước là Qui-nhơn-thành và năm 1799 Chúa Nguyễn-phúc-Ánh đổi tên lại là Bình-định-thành tức là « thành cũ », tức là « Hoàng-dέ-thành » của Tây-sơn trên địa phận hai huyện Tuy-viễn và Phù-cát. Thành « cũ » này cách Châu-thành Qui-nhơn ngày nay 26 cây-số và cách thành Bình-định « mới », mới xây vào thời Gia-long, 6 cây số. Thành « cũ » này ở gần tháp Cảnh-tiền (Tiền-dực-tháp người Pháp gọi là Tour de Cuivre), tức di-chi của thành Đồ-bàn (hay Chà-bàn) cố đô của Chiêm-thành. Tại đây hiện còn Miếu thờ Hậu-quân Võ-Tánh và Lê-bộ Ngõ-Tùng-Châu ; trước Miếu có mộ Hậu-quân và mộ Nguyễn-tân-Huyén.

Tại đây, Hậu-quân Võ-Tánh thủ thành từ tháng chạp kỷ mùi đến tháng 5 tân-dậu rồi tử-tiết, nên người Bình-định có câu hát : « Trông lên hòn tháp Cảnh-tiền, nhau »

« Cảm thương quan Hậu thủ thiềng ba năm ».

(3) Chỗ này là đèo Bến-dá (Thạch-tán-lanh), thuộc xã Châu-dέ, huyện Bồng-sơn. Ngày xưa tại đây có trạm Bến-dá ; qua năm 1822, vua Minh-Mạng cho lấy chữ Bình (Bình-định) và chữ Đề (Châu-dέ) mà đặt tên trạm này lại là Bình-dέ. Ở phia Bắc đèo này là đèo Cung-quăng (con quăng), giữa hai tỉnh Quảng-nghĩa và Bình-định.

Hai đại-tướng của Tây-sơn là Thiếu-phò Trần-quang-Diệu và Tư-dồ Võ-văn-Dũng vào đến Quang-nghĩa thi bỏ ghe dỗ bộ cá muộn binh kéo đi cho mau.

Ở Tân-quan, Nguyễn-vương nghe tin này, lòng rất e-ngại nên sai người ra thăm-hỏi tinh-hình.

Lê-Công nói : Có hai chủng tội đây thi Chúa-thượng mưa chờ le-àu». Rồi trỏ ngọn đèo Cung-quăng trước mặt mà tiếp : « Hai chủng tội thè sanh tử với giặc tại đó ! »

Đoạn Lê-Công và Tống-viết-Phuộc chia quân đóng nhiều đồn-bảo kéo dài từ đèo Bình-dê ra khỏi đèo Cung-quăng.

Vào tháng 6, Trần-quang-Diệu thi đóng đại-binh ở phía ngoài đèo Cung-quăng, huy-trương thanh-thế ; Võ-văn-Dũng thi dẫn tinh-binh theo đường hông đồ qua, tinh công kỳ vờ bị. Trong lúc ban đêm, nhọn kéo qua khe suối, quân Dũng bỗng thấy một con nai từ lùm rậm nhảy ra. Tiền-dao hô « Nai ! Nai ! », hậu-dao nghe làm là « Bình Đồng-nai » nên rùng-rùng vỡ chạy.

Biết Nam-quân càng phòng-bị Bình-dê hẩn-hội, Diệu và Dũng lui về đóng tại Thành-hảo, ở về phía Đông-nam huyện Mộ-đức (Quảng-nghĩa).

Vì viên-binh không qua được đèo Bình-dê, thành Qui-nhơn bị hạ. Nguyễn-vương rất vui mừng, cho đổi tên « Qui-nhơn-thành » lại là « Bình-dịnh-thành » và giao cho Võ-Tánh cùng Ngô-Tùng-Chân trấn-giữ, rồi truyền lệnh ban-sứ.

Được Trần-Viết-Kiết từ Huế đem chiến-thuyền vào trợ-lực, Diệu và Dũng kéo hùng-binh đến vây chặt Bình-dịnh-thành vào tháng chạp kỷ-mùi (1799).

Mùa xuân canh-thân (1800). Nguyễn-vương ra cứu-viên Qui-nhon. Lê-Công đốc quân xông tới trước, đánh thắng Tu-khau-Dinh tại Hoa-an, bắt sống được tù binh khá nhiều.

Nguyễn-vương đóng đại-bàn-dinh tại Hòn Nần trong vịnh Cù-móng, sai Tiền-quân Nguyễn-văn-Thành ra đánh Đồng-thị. Lê-Công cùng Nguyễn-Đức-Xuyên, Tống-Viết-Phuoc được lệnh dàn binh hội với Nguyễn-văn-Thành.

Nhơn đêm tối trời, Nguyễn-văn-Thành xuất kỵ bắt ý lén vượt khe núi phóng lửa đốt trại địch ; Lê-Công thừa-thế đánh vào hông. Quân Tây-sơn vỡ chạy. Tống-Viết-Phuoc kéo quân tâ-chi, Lê-Công chỉ-huy hữu-đức, Nguyễn-văn-Thành điều-khiển trung-quân, ba phía cùng tiến, chém được Đô-dốc Hoan tại trận và Đại-dò-dốc Nguyễn-Đức-Thọ xin hàng.

Lê-Công cùng Nguyễn-văn-Thành hợp đóng từ Đồng-thị (1) tới Văn-son. Bên kia, Trần-Quang-Diệu đem đại-binhs dàn ngang ngăn-ehận, lại cho đắp thêm đồn-bảo ở cùn Phú-hòa-đong và cùn Tân-hội ; còn Võ-Văn-Dông thì la-liệt dinh-trại tại cửa Thi-nai (2) tập-trung toàn-lực thủy-quân trong vịnh này và đem ba chiếc đại-chiến-thuyền « Định-quốc » chặn ngang hải-khẩu, khiến thủy-quân của Nguyễn-vương đánh thấp-thoảng ngoài khơi, không được củng lục-quân tương-tiếp.

Lần tay tinh lại, từ tháng 9 canh-thân (1800) đến tháng giêng tan-dậu (1801), bộ-binhs của Nguyễn-Văn-Thành dâu có

(1) Chép ra chữ Hán là Thị-dã gần Hà-thanh, Văn-son và thành Bình-dinh.

(2) Cửa Thi-nai là cửa biển Qui-nhon ngày nay.

thắng dời trên mà thủy-quân của dao Ngự vân ở mãi tại Hòn Nàn, Nguyễn-vương nghĩ dến kế dụng hỏa-công đánh cửa Thi-nai nên mặt sai triệu Lê-Công từ Đồng-thi dến Cù-mòng.

Đêm râm tháng giêng Tân-dậu (27.2-1801). Trăng thật sáng.

Nguyễn-Văn-Thanh được mặt-chỉ giả kéo quân cướp trại dè tướng Tây-sơn chỉ trong chứng mặt bộ. Nguyễn-Văn. Trương và Tống-Phước-Lương diều-khiển binh-thuyền tiến trước, Lê-Công và Chưởng Thủy-quân Võ-di-Nguy tiếp sau, Nguyễn-vương đốc-chiến.

❷ Vừa tới cửa Thi-nai, Nguyễn-Văn-Trương vì bắt được thuyền tuần-tiêu của Tây-sơn, bắt được khẩu-hiệu, vượt được qua Hồ-cơ (3) nên vào được tận thủy-trại ở phía trong mà dốt phá.

Vào hồi 10 giờ rưỡi đêm, Lê-Công và Võ-Di-Nguy kéo toàn đội xông tới. Quân Tây-sơn từ các dòn trên triền núi Tam-tòa bên-hữu và ở Bãi-Nhạn bên tả (1) xô súng lớn, đạn bay nư mưa. Võ-Di-Nguy bị đạn trúng đầu, tử-trận (2). Lê-Công nỗ-lực xung-công.

Tối sáng. Tối trưa. Nguyễn-vương thấy quân-sĩ tử-thương quá nhiều nên dến ba phen sai người vượt thuyền nhe truyền

(3) Gành Ông Hồ (?), án phía ngoài họng biển Thi-nai.

(1) Chép chữ Hàn là Nhạn-châu hay Nhạn-chữ. Bên hữu và bên tả theo đây là tứ ngoài tiến vào.

(2) Sau được truy-phong « Binh-giang Quân-công »; hiện nay Miếu mộ còn tại đường Cò-giang, gần đai-lô Đỗ-Di-Nguy, Phú-nhuận quen gọi là Đền Phú-Trung, vì ở áp Phú-Trung

cho Lê-Công né lui để tránh mũi nhọn của giặc. Cả ba lần, Lê-Công đều xin tử-chiến và bảo người đến truyền linh rằng : « Hãy về bám lại với Chúa-thượng rằng lúc này chỉ có tẩn mà không có thối, chỉ có vào mà không có ra »

Lê-Công cứ một mực truyền « Tẩn-binh » Qua được hải-khẩu, binh-dội của Lê-Công chuyền qua hướng Đông, thửa phía trên gió nhứt-tè phōng hỏa. Chiến-thuyền Tây-sơn phát cháy dữ-dội. Lại thêm từ bên trong, Nguyễn-văn-Trương đốc-thúc quân-sĩ đánh tập-hậu. Thủy-quân Tây-sơn hoàn-toàn tan-vỡ.

Trận Thi-nai này được gọi là « Võ-công đè-nhứt » trong thời Trung-hưng của Triều Nguyễn (3)

Thắng thủy-quân xong, Lê-Công lên bộ đánh chiếm luôn những đồn-bảo từ cầu Phú-hòa-dông đến cầu Tân-hội để làm thế ỷ-giác với Nguyễn-Văn-Thành ở Văn-son.



V.— DÀNH CHIẾM PHÚ XUÂN

Đại-binh Tây-sơn đều gom về Qui-nhơn để vây chặt thành Võ-Tánh dâng mặt-sờ xin Nguyễn-vương « bỏ bền đánh bở »,

(3) *Histoire moderne du pays d'Annam* của Maybon chép theo lời của Barizy, một viên tướng người Pháp từng theo giúp chúa Nguyễn-phúc-Ánh, thì trận Thi-nai khởi đánh từ 10 giờ rưỡi đêm rằm (27-2-1801) đến qua trưa 16 mới xong.— Chúng tôi theo tài-liệu này vì xét ra giờ khắc đúng hơn Tự-cục và Liệt-truyện.

tức là bỏ Qui-nhơn mà đánh kinh-dô Phú-xuân (Huế).

Nguyễn-vương do-dữ, không nỡ bỏ tướng-sĩ bị vây đã lâu ngày. Lê-Công biết ý, bèn ngay : « Binh quý ở thẳn-tốc, mưu thành tại quả-đoản, nay cứ dinh-dốn mãi ở Bình-dịnh thì sẽ chết già với nhau cả, nào có ích chi, sao bằng ra đánh Phú-xuân thì Bình-dịnh không giải cũng được thoát. Đánh cờ mà thi xe là phải vậy.

Hết ngần-ngại, Nguyễn-vương phát lệnh : Nguyễn-Văn Thành diều-bát lô-binh chống-ngăn địch-quân tại Bình-dịnh; Nguyễn-Huynh-Đức quản-lãnh binh-thuyền giữ Thi-nai; Lê-Công và Lê-Chất diều-khiên thủy-quân tiến trước ra Phú-xuân.

Tại cửa Tứ-hiền (Thừa-thiên), Phò.mã Tây-sơn là Nguyễn Văn-Tri đóng trên triền núi, nã súng bắn dữ từ sáng sớm đến chiều tối. Thấy đã không tiến vào được mà quân-sĩ tử-trấn rất nhiều, Lê-Công bèn với Lê-Chất không tấp-hạn át không thắng nỗi.

Nhưng làm sao vào được phía sau mà đánh úp tối?

Đương đêm, Lê-Công suất-lãnh tướng-sĩ đầy hơn 20 thuyền nhẹ qua khỏi bãi cát gần đó, vào được đầm Hà-trung (1), tức là phía trong cửa biển Tứ-hiền, rồi cùng nhau lên thuyền kéo ra.

Quân Tây-sơn ngờ là viễn-binh đến nên không phòng-bị.

(1) Chữ Hán viết là đầm Cao-đòi (cao là cao; đòi là gò, đồng đất), cũng viết là Cao-hai; người ta thường đọc trại ra là Cầu-hai, Cầu-hai; chữ Pháp viết Lagune de Cầu-hai.

Thế là Lê-Công xáp gần, xua binh-hò-reo từ sau đánh tới; Lê-Chất nghe biết cũng xua binh từ ngoài đánh vào. Lê-Công cả thắng, ruột tới Trìng-hà (huyện Phú-vang) bắt được Phò-mã Trị và hơn 500 tù-binh, rồi cùng Lê-Chất do cửa Thuận-an thẳng đến kinh-thành Huế.

Sáng mồng 3 tháng 5 tân-dậu (1801) vua Cảnh-Thạnh Nguyễn-Quang-Toản (2) của Tây-sơn rời Phú-xuân chạy ra Bắc-hà.

Và, khoảng ba giờ chiều ngày này, chúa Nguyễn-phúc-Ánh bước lên bờ sông Hương, sau 26 năm truân-chiên luân-lạc.

Thành Phú-xuân đã khắc phục; thành Bình-định còn bị vây. Nguyễn-vương sai Lê-Công, Lê-Chất và Tống-Viết-Phước đem binh cứu-viện.

Trong khi vào bái-tù, Lê-Công được Nguyễn-vương đặc-biệt ban cho một chiếc trống trận và một cây còi lính (1) để tăng uy trong việc điều-khiển ba quân.

Tống-Viết-Phước đi trước, vào đến Quảng-nghĩa thì bị tử-trận. Lê-Công và Lê-Chất tiến đến, phá tan địch-quân, bắt được tướng-sĩ Tây-sơn trên 3000.

Bấy giờ, thành Bình-định đã bị hạ. Võ-Tánh và Ngò-tùng-Châu đã tử-tiết, nên Lê-Công được lệnh đóng quân tại Thanh-hảo để đánh phá quân-dội Tây-sơn tại hạt này và cũng để ngăn Diệu, Dũng có thể kéo ra công-hàm Phú-xuân.

(2) Con của vua Quang-Trung ; vua Quang-Trung qua đời từ năm nhâm-tí (1792).

(1) Sử chép là « hiệu-đồng »

Tuy bận đốc-suất quân-sĩ đào hào đắp lũy để ngăn giặc từ cửa biển Mỹ-ý (2) đến miền sơn-cước, Lê-Công cũng lừa được lúc địch-quân không phòng-bị mà bất-thần tấn-công mãnh-liệt, bắt được binh-tướng khá nhiều và thâu được vô số khí-giới, voi trận, ngựa chiến.

Nguyễn-vương được tiếp-văn, hết sức vui mừng, thưởng-lao tướng-sĩ và đặc-phong Lê-Công trước Quận-Công.

Nghe tin Nguyễn-Quang-Toản tu-chỉnh binh-thuyền sắp-sứa vào đánh Phú-xuân, Lê-Công dâng sớ xin cho Lê-Chất ra phụ-lực với Trung-quân Nguyễn-văn-Trương, án-ngữ mặt Quảng-binh, Quảng-trị, Lê-Công xin một minh đường nội-mặt Nam và xin nguyện không đe cho quân Tây-sơn qua khỏi Thanh-hảo một bước.

Nguyễn-vương khen Lê-Công đương bận ở phía Nam mà biết lo và biết rõ về phía Bắc, nhưng bảo Lê-Chất cần ở Quảng-nghĩa để vững-chắc mặt Bình-dịnh vì Trần-Quang-Diệu và Võ-Văn-Dông còn dang ngại hơn Nguyễn-Quang-Toản.

Mùa xuân nhâm-tuất (1802), nghe tin Nguyễn-Quang-Toản vào tới Đồng-hời (Quảng-binh) thì bị đánh lui, Lê-Công bèn vào hiệp-lực với Nguyễn-văn-Thành mà tấn-công thành Bình-dịnh

Ngoài thi không viễn-binh, trong thi cao lương-thực, Diệu và Đông bỏ thành, do sơn-lộ về Bắc,

(2) Cửa biển Mỹ-ý ở về phía Đông huyện Mô-đúc ; sông Trà-cú chảy ra cửa này.

Nguyễn-vương truyền cho Nguyễn-Văn-Thành trấn-thủ Bình-dinh và dạy Lê-Công cùng Lê-Chất ban-sứ về Kinh.



VI.— VỚI CHỨC CHƯỞNG TÀ-QUÂN-DINH

Tháng 5 nhâm-tuất (1802), sau khi xưng Đế-hiệu, vua Gia-Long tinh việc đánh Bắc-hà. Lê-Công được thăng chức Khâm-sai Chưởng Tà-quân-dinh Bình-Tây Tương-quản và được lệnh cùng Lê-Chất sau-tiến bộ-binh đi tiên-phong.

Qua khôi ải Đèo-Ngang (Hoành-son-quan), Lê-Công thắng một trận lớn tại Dinh Cầu (1), rồi tiến đánh Vĩnh-dinh (2), rượt viễn Trấn-thủ Nghệ-an là Nguyễn-Văn-Thận chạy về Tiên ly (3) rồi chạy thẳng ra Thanh-hóa.

-
- (1) *Dinh cầu ở phía Bắc Đèo Ngang. Thời Hậu-Lê, trấn-dinh của Nghệ-an trấn đóng tại đây, nay còn dấu vết cổ-thành tại xã Hà-trung, phia Tây huyện-lỵ Kỳ-anh; khi dời Trấn-thanh ra Vĩnh-an (Nghệ-an) thì tại đây lập Dinh-cầu-bảo.*
 - (2) *Tỉnh-lỵ Nghệ-an thiết tại địa-phận Vĩnh-an; chỗ có phố xá chợ-búa thì kêu tắt là Chợ-Vĩnh.— Dẫu ngã biển âm ra dấu nặng, ta đọc ra Chợ Vĩnh, và ta còn quen t. eo người Pháp mà gọi tắt hơn nữa là Vinh.*
 - (3) *Thuộc huyện Đông-thanh, phủ Diễn-châu (Nghệ-an), có chợ gọi Chợ-Đồn. Thời Tây-sơn phủ-trị thiết tại Tiên-ly, sau dời qua Cao-xá cho tới ngày nay.*

Trần-Quang-Diêu và Võ-Văn-Dõng từ Bình-dịnh theo sốn-lộ về tới vùng này, bị thô-dân bắt được, đem nạp cho Lê-Công.

Tháng 10. Lê-Công hộ-gia ban-sư, sau khi thâu-phục Bắc-hà và đổi lại là Bắc-thành.

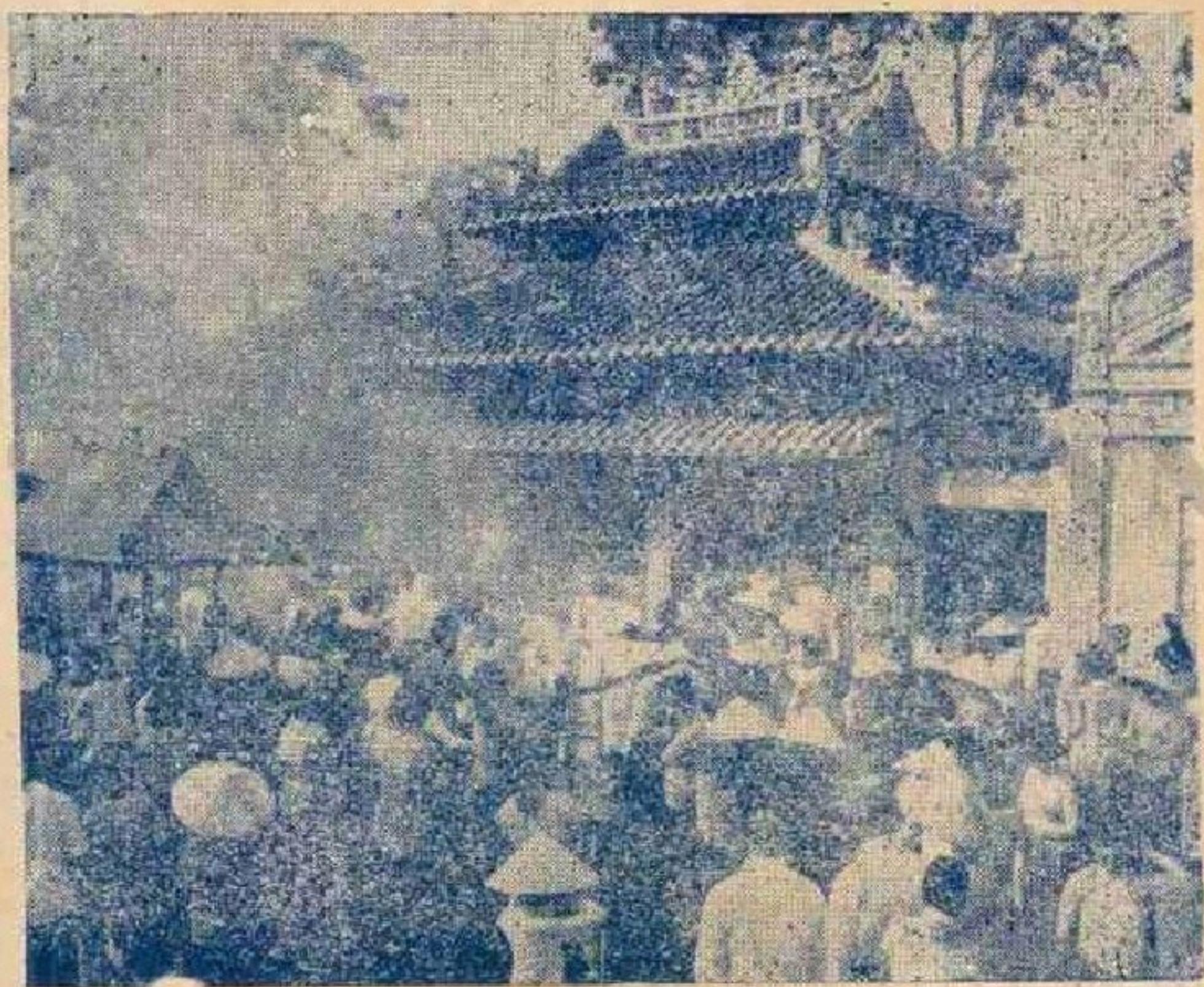
Năm sau (Gia-Long 2, 1803), vua dạy phát-động công việc kiến-trúc kinh-thành, bắt toàn-thề ba-quân khô-dịch.

Thầy quân-linh vừa buông giáo nghỉ tay thì bị bắt gánh đất khiêng cày, đào hào đắp móng rất là cực-nhọc, lại thường thiếu ăn thiếu uống. Lê-Công tâu thẳng với vua : « Trước kia tai Gia-dịnh, Bè-hạ hứa với tướng-sĩ hè khắc-phục Phú-xuân thi lập-tức cho giải ngũ nghỉ-ngơi. Nay kinh-sư đã thâu-hồi, Bắc-hà đã đại-dịnh mà binh-sĩ thì hoặc phải đi thủ trấn này ải nọ, hoặc phải gom về xây đắp Kinh-thành, tháng đắp năm dồn chằng biết đến thuở nào mới được về tu-hợp với gia-dịnh. Như vậy thử hỏi tin-linh của Triều-dinh sẽ ra sao và lòng người Gia-dịnh sẽ thế nào ? »

Vua dụ rằng : « Tướng-sĩ khô-cực đã nhiều ngày, Trẫm cũng xót xa ; nhưng Kinh-thành là căn-bàn phải sửa-sang, cần nhọc một thuở hầu mong được khỏe dài lâu ».

Dẫu vậy, Lê-Công nhứt-dịnh không chịu lý ấy, cứ cõ nài. Vua phải nhiều lần bàn giải.

Xảy có tin Mọi Đá-vách ở Quảng-nghĩa nồi lên khuấy phá. Lê-Công lanh mang vào dẹp tan. Vua khen-thưởng công-lao. Lê-Công dâng sớ tâu rằng bọn Đá-vách trú-ẩn chốn núi cao rừng sâu, không thể dứt hết, xin cho đóng quân tại Trà-khúc để ngừa chúng lại kéo ra. Vua y tâu.



Sân trước đền thờ chõ bá tánh đốt nhang đèn



Cũng trong năm quý-hợi (1803) này, thân-phụ của Lê-Công ra chầu vua. Lúc ấy em Lê-Công là Lê-Văn-Phong đã làm tới chức Tả-dinh Đô-thống-chế, có nhiều con trai và có một người vợ là Lê-Văn-Yến. Vua dạy Lê-Văn-Phong đem Yến mà cho Lê-tên Lê-Văn-Yến. Vua dạy Lê-Văn-Phong đem Yến mà cho Lê-tên Lê-Văn-Yến. Vua dạy Lê-Văn-Phong đem Yến mà cho Lê-tên Lê-Văn-Yến. Vua dạy Lê-Văn-Phong đem Yến mà cho Lê-tên Lê-Văn-Yến.

Qua mùa đông, vua ngự ra Bắc, cho triều Lê-Công từ Quảng-nghĩa về trấn giữ kinh-thành.

Năm 1804, vua truy-tặng tằng-tồ của Lê-Công chức Cầm-y-vệ Cai-cơ và y-vệ Cai-doti, nội-tồ của Lê-Công chức Cầm-y-vệ Cai-cơ và sắc-phong thân-phụ của Lê-Công chức Chưởng-cơ.

Rồi Lê-Công lại vào dẹp loạn Mọi Đá-vách và qua năm sau mới về Triều.

Đến năm 1807, Mọi Đá-vách lại nổi lên. Vua sai Lê-Công vào dẹp, xong lại triều về.

Năm 1808, bọn chúng lại nổi lên nữa, nhưng khi nghe Lê-Công đến thì chúng rút cả vào rừng núi.

Lê-Công bèn sai hai người tám-phúc len-lỏi vào sóc, lán-la han-hỏi sự-tình. Chúng thành thật cho biết quả khồ vi viễn-quan cai-tri địa-phương là Phó-quản-cơ Lê-Quốc-Huy hà-khắc nhũng-nhiều chúng chịu không nổi nên cực-chẳng-dã phải họp nhau lại mà chống.

Lê-Công mật cho điều-tra, biết việc quả đúng nhu thể liền truyền xử-trảm Lê-Quốc-Huy. Mọi Đá-vách kéo nhau ra quy hang Vua thấy loạn đã yêu nên triều Lê-Công về Kinh.

Năm 1809, vua ngự vào Quảng-nam, dạy Lê-Công trấn-thủ Đề-dò.

Lê-Công có tiếng là tri quân quá nghiêm không ai dám ngược nhin, đến các vị huân-cựu đại-thần cũng kiêng-né; chỉ có một minh Hậu-quân Lê-Chất là hay tới lui thăm viếng và được Lê-Công thường đem những việc binh-gia quốc-sư cùng bàn. Hồi này có viên Tham-luận Nguyễn-Văn-Tài, vì lỗi việc quân nên bị Lê-Công thảng-thắn khiên-trách. Tài nuôi lòng hờn bèn cáo Lê-Công nhiều điều; nào là thiết-lập kho riêng trại tư, nào là lén sai người ra Bắc-thành chiêu-du hào-kiệt, nào là cùng Lê-Chất một tướng cũ của Tây-sơn, thường bàn thăm họp kín, rất có thể là có ý mưu phản...

Lê-Công xin vua cho círu-xét tường-tan để rõ trắng đen.

Hình-bộ được lệnh điều-tra và rốt cuộc Nguyễn-Văn-Tài bị án vu-cáo.

Vua lại phu nội-vụ cho đình-thần tra xét lại. Tài không còn chối-cãi chỉ được nên bị án tử-hinh.



VII.— LÃNH GIA-ĐỊNH-THÀNH TỒNG-TRẦN

Năm Gia-Long 11 (1812), Lê-Công vâng chỉ vào Quảng-nghĩa tuần-vãng.

Kế có việc vua Chân-lạp (Cao-miên) bị mấy người em mượn binh Xiêm về đánh giành ngôi. Vua Chân-lạp chạy sang nước ta và cầu cứu-trợ.

Vua bèn triệu Lê-Công về Kinh và dạy lãnh chức Gia-định-

thành Tòng-trấn gồm coi luôn hai trấn Bình-thuận và Hà-tiên
(1), vào Sài-gòn tùy-nghi giải-quyết việc Xiêm-la và Chân-lạp,
cốt sao cho Xiêm kiêng-né hòa-hài mà tình bang-giao Việt-
Xiêm lại không bị thương-tồn.

Vua lại phong Long-vân-hầu Trương-Tấn-Bửu làm Phó
Tòng-trấn (2) và Tinh-viên-hầu Ngõ-Nhân-Tịnh làm Hiệp
Tòng-trấn. Lê-Công lại được lệnh mang theo đội Thân-sách-
quân ở hai trấn Thanh-Nghệ, năm đội quân Bắc-thành và đội
Tượng-quân gồm trên ba ngàn người vào Gia-dịnh lo việc
nhung-thú.

Lê-Công vừa vào đến Sài-gòn thì vua Xiêm cũng vừa sai sứ
mang quốc-thor tới, ngỏ ý rằng sở-dĩ Xiêm-la phái quân sang
Chân-lạp là muốn giảng-hòa giữa anh em vua nước này chờ
không có ý chí khác.

Lê-Công sai người đưa sứ-giả Xiêm-la ra Phú-xuân.

Tháng tư qui-dậu (1813), Lê-Công phụng-mạng cùng Ngõ-

(1) Vào khoảng cuối thế-kỷ 18, đất Đồng-nai có 4 dinh : Phiên
trấn, Trần-biên, Vĩnh-trấn, Trần-dịnh. Khi đã gọi Gia-
định thành thì gồm 4 trấn : Phiên-an, Biên-hòa, Định-
tường và Vĩnh-thanh (Thực-lục đệ-nhứt-kỷ, q. 34, tr. 1-b)
Trần Hà-tiên trước kia là biệt-trấn của họ Mạc, nên đây
có những chữ «coi luôn hai trấn Bình-thuận và Hà-tiên».

(2) Theo bằng cấp ngày 18 tháng 7 năm Gia-Long 11 (nhâm-
thán 1812), Trung-quân kiêm Tả-quân Phó-tướng Long-
vân-hầu Trương-tấn-Bửu lãnh Gia-dịnh-thành Phó Tòng-
trấn.

Nhân-Tịnh dẫn 13 ngàn quân theo đường thủy ~~qua~~ vua Chân-lạp về cố-dò La-bích.

Trước số quân quá đông như thế lại thêm do một viên đại-tướng tri-dũng như Lê-Công chỉ-huy, người Xiêm dàn lui êm.

Lê-Công hiệu-linh nghiêm-minh nên quân-sĩ tuy đông-dảo như thế mà không hề có xảy ra một vụ cướp-bóc nhiều-nhương nào trên đất chùa Tháp, khiến người Miên cảm-kích kính-phục vô-cùng.

Lê-Công cho thành La-bích thấp hẹp, khó bẽ phòng-thủ, nên sai quân đắp giùm vua Chân-lạp một kinh-thành Nam-vang to rộng và vững-chắc.

Đầu年底 xong-xuôi, Lê-Công kéo đại-binh về Sài-gòn day Thoại-ngọc-hầu Nguyễn-Văn-Thoại mang tướng-ẩn « Bảo-hộ quản-lãnh một ngàn binh-sĩ tinh-nhuệ ở lại giúp vua Chân-lạp.

Để tỏ lòng biết ơn, vua Chân-lạp hiến 88 thớt tượng. Lê-Công dâng sớ tâu rằng nước này mới dựng lại, quốc-khổ trống không xin vua cho xuất của kho một số bạc tương-dương với giá trị số voi mà tặng lại. Vua Gia-Long rất hài-lòng.



Sau nhiều năm loạn-lạc, Gia-định bấy giờ có nhiều du-đảng, thêm có lầm-ké nương-thế quyền-mon mà ghi tên quân-tịch rồi lui tới chốn hương-thôn tha-hồ hiếp người cướp-của. Lê-Công dùng nhiều phương-pháp nghiêm-ngặt mà công-minh, lại khuyên dân địa-phương giúp quan sở-lai biết kẻ đạo-tặc để trừng-tri, hoặc truyền kẻ trộm cướp tự-thú thì được tha hay

dược giảm tội. Nhờ đó, dân-chúng sớm được an-cư lạc-nghiệp.

Lê-Công lại xin vua cải-cách một tết-binh : ngày trước, vì việc phòng-vệ, đặt ra lè trung hương-binh ; đó là một việc quyền-nghi, không nên cho là phép vĩnh-cửu ; không nên duy trì vì nó khiến cho dân-chúng nghi-ngờ, sơ-sệt luật vua phép nước, thành thói quen giúp-giáp nhau làm những việc dối-trá, trốn-tranh...

Vua dạy tùy-nghi sửa-dổi.

Lại nghĩ đến những người đã bỏ mình vì quốc-sự, đền vợ góa con coi doi rách lêu-lồng. Lê-Công lập ra hai cơ-quan từ thiện là « Anh-hài » và « Giáo-duoong » : những trẻ nào thích việc kiêm-cung thi được chấm-nom ở cơ-quan « Anh-hài » để rèn-luyện võ-nghệ hẫu sau lập-công giúp nước ; còn những trẻ khác và những quâ-phụ thì được vào ở cơ-quan « Giáo-duoong » để học văn-chương và tập nghệ-nghiệp.



VIII.— THỌ CỔ-MẠNG DI-CHIẾU

Tháng 6 Ất-hợi (Gia-Long 14, 1815) Lê-Công phung-chỉ lai Triều.

Kế có tin Môi Đá-vách dấy lên, viên Trấn-thủ Quảng-nghĩa là Phan-Tấn-Thành không trị nỗi. Vua dạy Lê-Công vào dẹp.

Khi đã bình xong, Lê-Công nghĩ đến sự an-ninh bền-lâu nên xin cho đắp trường-lũy chạy dọc suối tỉnh Quảng-nghĩa :

Bắc tới huyện Hà-dông, phủ Tam-kỳ (1), tỉnh Quảng-nam; Nam tới huyện Bồng-sơn của tỉnh Bình-dịnh. Lũy dài trên 100 cây số, có 115 bão, mỗi bão có 10 binh-sĩ, tất cả là 1150 quân-nhân, chia làm 6 cơ, lo việc nhung-thú.

Sau đó, Lê-Công được triệu về Kinh dự bàn việc sách-lập Hoàng-thái-tử ở ngôi Trù-nhi (2), vì Đông-cung Cảnh đã qua đời từ năm 1801 và con của Đông-cung Cảnh thi hây còn nhỏ tuổi quá.

Vua Gia-Long tỏ ý rằng cần phải chọn người trọng tuồi làm vua, chờ giao quyền cho kẻ còn thơ-ấu thì e gấp nạn phụ-chánh chuyên-quyền như việc Trương-Phúc-Loan còn sờ-sờ trước mắt,

Lê-Công tâu : « Dịch-tôn thừa trọng. Vả cỗ-nhân đã dày « Lập tự duy đích » (3), lại thêm Đông-cung lúc nhỏ thi đi xa vạn dặm tìm viện, lớn lên còn dày công đánh giặc giữ thành, chẳng may mất sớm thì con phải hưởng công-lao xứng-đáng của cha. »

Tuy vậy, vua Gia-Long vịn vào lý khác là câu « phụ trai tử hoàn », và lại Hoàng-tử Đảm đã 25 tuồi và năm 1814, khi Thừa-thiên Hoàng-hậu (bà họ Tống, sanh-mẫu của Đông-cung Cảnh) qua đời thi Hoàng-tử Đảm đã từng đứng chủ-tể như bực trưởng-nam, vậy Đảm đáng chọn làm Hoàng-thái-tử.

Lê-Công nin lăng !

(1) Nay lập thành tỉnh Quảng-tín.

(2) Trù-nhi là người chọn sẵn để sau này lên làm vua.

(3) Lập kẻ kế-tự thi chỉ có dịch-tôn mà thôi.

Năm Gia-Long 18 (1819), hai trấn Thanh-Nghệ bị nạn đói, trộm-cướp cả dãy, dân-tinh khò-sở. Các quan sở-tại cấp-báo với Triều-dinh, nhứt là việc các tù-trưởng thô-dân ở miền rừng núi khuấy-phá không sao trị được.

Vua hạ chỉ dạy Lê-Công ra kinh-lược hai trấn này với sứ mạng « gấp lợi cứ làm, thấy hại cứ trừ, việc quan việc dân tùy-nghi xử-doán ».

Ra đến nơi, Lê-Công án-binh bất-động, một mặt sai văn-quan Nguyễn-Văn-Khuê và Nguyễn-Đức-Nhuận đem tờ hiệu-du lèn miền sơn-cước khuyên-cáo thô-tù rõ đường lợi hại, một mặt cách chức những viên quan bất-tài, trị tội bọn nha-lai tham-nhũng, tha suru-thuế từ mậu-dần (1818) về trước, miễn binh-diêu trong vòng ba năm ; đổi với những kẻ vì nghèo đói mà đã làm việc phi-pháp thì chẳng những tha-bỏ tất-cả tội-lỗi lại còn tùy tài-năng mà thâu-dụng.

Chỉ trong mấy tháng, quân-linh khởi việc giết-giộc, dân chúng khởi bị tù-dày, mà xa gần đều được yên- ổn.

Chẳng những vậy, nhiều quân-dân và tội-phạm ở các trấn Bắc-thành cũng đua nhau vào đầu-thú, Vua cho Lê-Công lập những đội lính « Hồi-lương » với những số người này : vốn người Nghệ-an thì cho sung vào đội An-thuận ; vốn người Thanh-hoa thì cho sung vào đội Thanh-thuận ; vốn người Bắc-thành thì cho sung vào đội Bắc-thuận.

Cho đến mươi động Man-dân thuộc châu Sầm-tứ (1) từ

(1) Châu Sầm-tứ có tên trong thời Hậu-lê, về sau giảm đi, nay không rõ chắc ở tại đâu, chỉ biết thuộc trong vùng Trấn-man-phủ (gần Hồi-xuân). Ma phủ Trấn-man thì Đông giáp châu Lang-chánh, Bắc giáp tỉnh Hòa-bình và Điện-biên-phủ, Tây gồm huyện Sầm-nura giáp Al-lao, Nam giáp huyện Sầm-tộ của tỉnh Nghệ-an.

xưa chưa từng thuộc-lệ triều-dinh, nay cũng xin về với Lê-Công.

Tháng 9, Lê-Công về đến Kinh, vua hồi-han phủ ủy rất lâu.

Tháng chạp, ngày 11, vua lâm binh, triệu Lê-Công và Lê-bộ Thượng-thor Phạm-Đăng-Hưng (2) đồng thọ cỗ-mạng di-chiếu, lại ủy cho Lê-Công gồm coi cả năm dinh tướng-sĩ thuộc đạo Thần-sách-quân.

Qua ngày 19 tháng chạp (3-2-1820), vua Gia-Long thăng-hà.



IX.— LẠI LÃNH GIA-DỊNH THÀNH TỒNG-TRẦN

Minh-Mạng năm đầu (canh-thìn, 1820).

Tại xứ Đồng-nai có thầy sãi Cao-miên tên Kế giỏi về ngãи, gõng, bùa-chú. Được khâ đồng thô-dân phục-tùng Kế nồi lên khuấy xóm phá làng, chẳng những ở miền Tây-ninh mà còn gây nguy-ngập đến thành Nam-vang.

* Lê-Công phụng-mạng lãnh chức Gia-dịnh-thành Tồng-trấn vào lúc tháng 5.

Lê-Công xin được đem vào Nam những dao binh Hồi-lương, gồm người Thanh-Nghệ và Bắc-thành đã xuất-thú sung quân năm kỷ-mão (1819), Vua y cho.

(2) Thân-sanh của Từ-Dũ Thái-hậu (mẹ vua Tự-Đức), người Gò-công: hiện nay mộ và đền thờ Đức-quốc-công Phạm-Đăng-Hưng còn tại Sơn-qui, gần tỉnh-ly Gò-công.

Khi Lê-Công vừa vào đến Sài-gòn thì gặp tang cha. Vì dương hời còn mang « quốc-hiếu » (tang vua Gia-Long) nên Lê-Công cù-sờ thỉnh mạng.

Vua cho phép dùng dúng lê-dai-tang (trảm thời). Vua lại ban-tứ gấm lụa, bạc tiền, còn sai đại-thần đến cung-tế và truy-phong cho thân-sanh của Lê-Công hàm Thống-chế (1)



* Biết rõ tâm-lý người Cao-miền, những người chắt-phác, Lê-Công không cho quân-linh giết càn bắt bầy, cứ cho dò-la tông-tích sái Kế, hề nghe Kế ở vùng nào thì phái nhiều binh-sĩ mau tới đó.

Rốt cuộc Lê-Công và Thoại-ngọc-hầu Nguyễn-Văn-Thoại vây bắt được sái Kế dạy chém bêu đầu thị chung, và khoan-hồng với những kẻ manh-tùng. Vua được tiệp-văn, mừng-rõ ban cho Lê-Công mươi ngàn quan tiền để tưởng-lè tướng-sĩ.

(1) Tại làng Long-hưng (Định-tường), trước mộ song-thân của Lê-Công có bia đá :

Bia 1.— Tuế tại Tân-ti Trọng-xuân sóc nhứt.

Cố Việt Hiền-khảo Võ-huân Tướng-quán Khám-sai
Chưởng-cơ tăng Thống-chế LÊ-HÀU chi mộ

Tự-tử : Khám-sai Gia-dịnh-thành Tòng-trấn

Chưởng Tả-quân Bình-tây Tướng-quân kiêm giám

Thần-sách-quân Quận-công LÊ-VĂN-DUYỆT báy giám

Thể là an-ninh trật-tự được vân-hồi ở khắp thành Gia-dịnh.

Đã trừ hại cho dân, Lê-Công còn trừ cho dân một đại-hoa khác ?

Dân Gia-dịnh vốn biết Lê-Công là người chánh-trực, luôn luôn cương-quyết vì dân khử bạo. Vậy nên khi vừa vào tới trấn-thành, Lê-Công đã nhận được nhiều đơn tố-cáo hành-vi khốc-hại của Phó Tông-trấn Huỳnh-Công-Lý.

Huỳnh-Công - Lý là người tham - tàn, sách-nhiễu dân-chủng thái quá : nào là khi giám-đốc việc đào kinh An-thông (1) ở Sài-gòn ăn qua kinh Ruột Ngựa và việc vét kinh

Bia II.— Tuế tại Giáp-tuất Trọng-hà cát nhứt

Cố Viết Hiền-Tỷ Khâm-sai Chưởng-cơ LÊ Hầu

Chánh-thất NGUYỄN Phu-nhân chi mộ

Hiếu-tử : Khâm-sai Gia-dịnh-thành Tông-trấn

Chưởng Tả-quán Bình-lây Tường-quán

Quản-Công LÊ-VĂN-DUYỆT lập

(Năm Tân-tị là năm 1821 ; năm Giáp-tuất là năm 1814).

(1) *An-thông-hà* là kinh Bến-nghé, từ cầu Xóm-chỉ (dầu đường Tân-Đà Chợ-lớn) đến ngã tư rạch Lò-Gốm, để giáp với kinh Ruột Ngựa, thông qua Rạch Cát.— Vì cầu Xóm-chỉ thuở trước gọi là cầu Bà Thuòng, mà các quan vì không gọi dân bằng Bà nên chép là « cầu Thị Thông » kinh này đào xong trong năm Gia-Long 18, vua nhơn tên cầu mà đặt tên là « An-thông-hà ». Người Pháp thấy hai bên bờ kinh gần toàn là người Trung-hoa ở, nên gọi là Arroyo Chinois.

Bảo-định (1) cho thông từ Chợ cũ My-tho đến rạch Vũng-gù (Tân-an), Lý xuất của kho mà không phát cho dân phu, bắt chết để làm tiền diền-chủ và người có thân-nhân phải đi làm xâu... nào là khi xây rộng mộ cha, Lý đã ban mả dời mồ thân-nhân kẻ khác chôn gần đó một việc mà luật nước cấm rất ngặt. Ngoài ra, Lý ý thế con gái là sủng-phi của vua Minh-Mạng nên còn làm nhiều điều tác-tệ bất chấp pháp-luật triều-dinh.

Cho điện-trai căn-kẽ, đủ bằng-cớ xác-đáng, Lê-Công dâng biều tâu-bày mọi lẽ và khép Lý vào tử-tội.

Vua muốn cứu Lý nên sai người lãnh chỉ di suốt ngày đêm vào Gia-định truyềng rằng Lý đáng tội tử-hình, vậy Lê-Công cho giải về kinh để Lý phục quốc-pháp.

Dựa vào lời phê « đáng tội tử-hình », Lê-Công dạy đem chém Huỳnh-Công-Lý rồi cho muối thủ-cấp bỏ vào thùng gởi về Triều, và kinh tâu là đường-sá xa-xôi, e chẳng may có xảy ra điều bất-trắc, nên « phụng-thừa Thành-chỉ, xử trảm tội-nhân ».

Vậy là sủng-phi của vua Minh-Mạng phải bị biếm vào lánh cung theo luật Triều-định, vì có cha là kẻ phạm trọng-tội.

Và, ngày 28 tháng 3 năm Tân-Tị (1821, Minh-Mạng 2) Long-

(1) Bảo-định-hà di từ Tiền-giang, tại chợ cũ Mỹ-tho qua chợ Bến-tranh, chợ Thang-tróng (Phú-kiết), giáp nước Cai-lộc, tới tỉnh-ly Tân-an, ra Vành-cô Tây. Năm Gia-Long 18, kinh đào xong, vua đặt tên cho dòng nước này của trấn Định-tường là « Bảo-định-hà » ; người Pháp gọi Arroyo de la Poste.

vân-hầu Trương-Tấn-Bửu lại được cử vào lãnh chức Gia-định-thành Phó Tông-trấn (1)



Lấy danh-nghĩa là bảo-hộ Cao-miên và cũng đề tâm đề phòng sự gày hấn bắt-thường của Xiêm-la, Lê-Công đã xin sửa dắp một con đường từ Sài-gòn lên Gò-dầu và Tây-ninh để tiện cho lục-quân thẳng tới ranh-giới Xiêm-Miên, ngang qua thành Nam-vang, Lê-Công cũng lo đến con kinh Vĩnh-tế để thủy-quân có thể di-động man-le từ Chợ-đốc qua Hà-tiền mà ra Vịnh Xiêm-la. Vậy nên Lê-Công xin vua cho vét lại và đào thêm kinh này cho sâu rộng hơn.

Tháng 2 năm Minh-Mạng thứ-tứ (1823), Lê-Công được lệnh

(1) Từ tháng 5 canh-thìn (1820), (Minh-Mạng nguyên-niên) Tả-quân Lê-Công phụng-mạng lãnh Gia-định-thành Tông-trấn tới ngày 28 tháng 3 tân-tị (1821) là ngày Long-vân-hầu được cử lãnh Gia-định-thành Phó Tông-trấn thế cho Huỳnh Công-Lý, là 11 tháng ; trong thời-gian này Lê-Công không hề vắng mặt ở Gia-định-thành, vậy không thể có việc « thừa lúc Lê-Công lai Kinh, Huỳnh-Công-Lý lại còn có một tội to khác là tư-gian với ti-thiếp của Lê-Công, nên chừng Lê-Công về Sài-gòn nghe được việc này, liền xử trảm Huỳnh-Công-Lý... », theo thuyết của Ông Trương-Vĩnh-Ký trong bài Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs : đăng trong tạp-chí Excursions et Reconnaissances, X », số 23, xuất bản Mai Juin 1885.

chọn trên ba muôn rưỡi binh-dân ở Gia-định-thành hiệp với
hơn một muôn binh-dân Cao-miên để dùng vào việc này. Đến
tháng tư thì đã xong được hơn một muôn năm trăm trượng,
chỉ còn độ một ngàn bảy trăm trượng nữa.

Biết mùa hè nóng bức, vua day ngưng việc, chờ qua mùa
Xuân năm sau sẽ tiếp tục.

Nghe Lê-Công bôn-thân dốc-suất công-tác này đến phải
lâm bịnh, vua đặc-thưởng Lê-Công một ngọc-dái và thêm lời
dụ có câu : « Từ xưa hoàng-tử, chư-công chưa ai được ân-tứ
ngọc-dái nay khanh đã nhiều vãng-tích, lại kiến tân-lao nên
đặc-biệt ân-tứ vậy ».

X — PHÒ-MĀ DA-DA VÀ LĂNG ÔNG THƯỢNG

Mùa xuân năm Minh-Mạng thứ 5 (1824), vua già con gái thứ 10 của Tiên-đế là Ngọc-Nghiêm công-chúa cho Lê-Văn-Yên, con thừa-tự của Lê-Công. Lê-Văn-Yên đương chức Kiêu-ky Đô-úy cải thành Phò-mā Đô-úy (1).

(1) Trong đền thờ Lê-Công có rất nhiều tấm chán do thiện-nam
tin-nữ Trung-hoa cúng, đề tạ ơn Lê-Công phù-hộ. Nhiều
tấm đề 4 chữ lớn « PHÒ-MÃ DA-DA ». Chưa ai giải-thich
rõ tại sao lại viết 4 chữ đó. Hẳn là thế này : chữ DA Di và
Xà thiết, âm da, vân ma, nên phải đọc và viết d và a : da.
Chữ DA là Cha, (Phụ-dã : Cha vây) xuất-xứ từ « truyện
Hàn-Cảnh » thời Lương Võ-Đé (giữa thế-kỷ thứ 6). Đến
thời Tống thấy dùng chữ đôi « Da-Da ». Còn chữ Phò-
mã, tức rẽ vua (như Lê-Văn-Yến).— Đa số thiện-tín binh-
mã, tức rẽ vua vì quá tôn-quý Lê-Công, không dám kêu
dân Trung-hoa vì qua tôn-quý Lê-Công, không dám gọi tước của Lê-Công,
tên đã dành mà cũng không dám gọi tước của Lê-Công,
nên xưng-hộ bằng danh-từ sùng-kinh là « Phò-mã da-da »,
với nghĩa là Vị Thượng-quan Cha Ông Phò-mã.

Cũng năm 1824, Lê-Công và Bắc-thành Tông-trấn Lê-Chất cùng về Triều-châu vua. Cả hai vị đồng ý rằng bấy giờ Triều-dinh theo phép-tắc mới, hạng võ-biền tánh ngay lời thắng, rất dẽ bị lôi-lầm; lai thêm đương thời thái-bình, nhà-vua đổi-dải với võ-tướng không phải như đương-thời chiến-chinh. Nên cả hai vị đồng xu từ chức Tông-trấn.

Vua vời cả hai lên diện, phán rằng: « Trẫm đương trọng-dụng hai khanh, sao hai khanh lai buông lời xin như vậy? Hay là việc của hai khanh, có điều chí khó lầm chăng? »

Lê-Công chỉ khóc rồi bái-itù.

Vài hôm sau, vua sai người tới an-ủi Lê-Công, tỏ nỗi ưu-ái của vua và khuyên Lê-Công sớm về Gia-dịnh.

Đầu năm ất-dậu (1825), trong buổi tiệc mừng xuân, nhơn thấy bà-quan đều được dự, vua Minh-Mạng bỗng nghĩ đến những công-thần ở Gia-dịnh-thành. Vua bèn sai Thị-vệ đem phẩm-vật vào tận Đồng-nai mà ban-túi, Tông-trấn Lê-Tả-quân và văn võ thuộc-liệu là Trương-Tấn-Bửu, Nguyễn-Văn-Thoại, Nguyễn-Xuân-Thục, Trần-Nhựt-Vĩnh... đều được vui hưởng hoàng-àn thành-trạch.

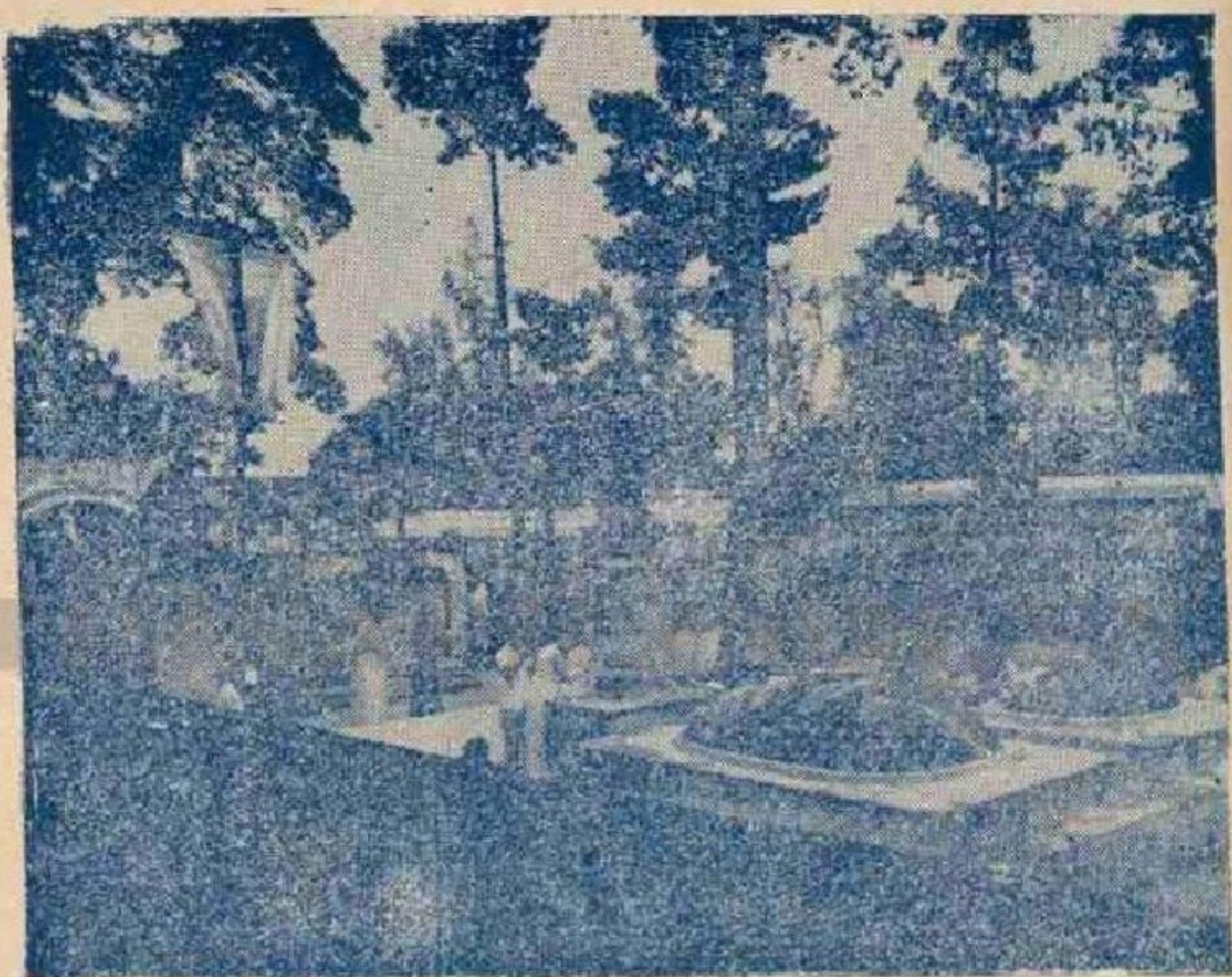
Cũng năm này, vua ban cho Lê Tả-quân Phu-nhân, huy là Đồ-thị-Phận (1) một ngàn quan tiền.



(1) Bà vốn người An-nhơn (Gia-dịnh), trước là một cung-nữ.

Tên Bà viết bằng chữ Hán.

Chữ này đọc chánh-âm là Phận; mà chữ có dấu ngã cũng biến ám ra chữ có dấu nặng, như Hà-tĩnh ra Hà-tịnh, tuần-



Lăng-Mộ Đức Tả-quân và Phu-nhân

Gặp được lúc thanh-binh, Tả-quân Lê-Công đem hết-tâm lực lo sắp đặt mọi mặt cho Gia-dịnh-thành càng ngày càng thêm thanh-vương, người người no ấm, chốn chốn yêu vui...

Năm 1826, Lê-Công mất đi một bạn đồng-tâm đồng-chi là Khâm-sai Chuởng Hậu-quân Bình-Tây Tường-quân Quận-công Lê-Chất, được nghỉ về dưỡng bệnh rồi qua đời tại quê nhà là huyện Phù-Mỹ (Bình-Định).

Tháng 6 năm 1827, Lê-Công lại mất thêm một chiến-hữu lão-thành, hai lần cùng nhau lo trọng-trách tại Gia-dịnh-thành là Long-ván-hầu Trương-Tấu-Bưu, và chính Lê-Công bồn-thân đứng lo việc cất-tang người bạn già này tại ấp Phú-thành xã Phú-Nhuận.

tiều ra tuân-liệu, mãnh ra mạnh. Vậy chúng tôi xin đọc là Phận.

Ấy vì : a) Là người Việt-Nam — và là phụ-nữ, ở miền Nam, một miền nói không phân-biệt dấu hỏi, dấu ngã — nhất-định không thể có tên là Phản, dấu có nghĩa như « phản nỡ »

b) Trong Đại-nam quắc-âm tự-vị, ông Huỳnh-tịnh-Của âm chữ này là Phận (đọc theo giọng Nam) ;

c) Dictionnaire Annamite-Français của Génibrel có cả hai âm Phản và Phận (giản hồn), sau chữ Phản lại có chua chữ T (chỉ là đọc theo giọng Bắc) :

d) Chữ Hán viết là 邦 mà không viết là 分 (đọc Phận như phản-sư bồn-phận) bởi lẽ chữ này có đến ba âm . Phản, Phận và Phàn.

Qua năm tân-mão (1831), sau khi đã bãi-bỏ hẳn chức Bắc thành Tông-trấn, vua Minh-Mạng sắp đặt việc cai-trị trong nước theo lề-lối Mãn-Thanh : đổi trấn làm tỉnh, với quan-chức mới là Tông-đốc, Tuần-phủ, Bố-chánh-sứ, Án-sát-sứ và Lãnh-binh. Nhưng riêng Gia-dịnh-thành thì không thay đổi.

Lê-Công thấy thế và nghĩ mình đã già yếu nên dâng sớ xin từ-chức vào khoảng đầu năm nhâm-thìn (1832). Nhưng vua không nhận lời, cố ưu Lê-Công tại chức như thường.

Chẳng bao lâu sau, Lê-Công lâm trọng bệnh.

Và, ngày 30 tháng 7 năm nhâm-thìn (nhằm ngày 25-8-1832) nhiên hiệu Minh-Mạng 13, Lê-Công từ trần tại trấn-thành, hưởng thọ 69 tuổi.

Miếu mộ của Tả-quân Lê-Công đều cất xây tại Bình-hoa-xã (Cia-dịnh) chỗ mà nam phụ lão ấu Đồng-nai đều kính-cần gọi là « Lăng-Ông » hay « Lăng Ông-Thương » hay « Đền thờ Đức Thương-Công » và thiện-tín Trung-hoa đồng tôn-xưng danh-hiệu « Phò-mã da-da miếu ».



CÁI ÁN LÊ TẢ-QUÂN

Sau khi Lê Tả-quân từ-trần, vua Minh-Mạng liền bãi-bỏ chức Gia-dịnh-thành Tông-trấn, đổi trấn làm tỉnh và bổ Bạch Xuân-Nguyên làm Bố-chánh-sứ. Nguyễn-Chương-Đạt làm Án-sát-sứ và Nguyễn-Quế làm lãnh-binh của tỉnh Phiên-An. Chung cho hai tỉnh Phiên-An và Biên-Hòa thì có một viên Tông-đốc :

An-Biên Tông-dốc Nguyễn-văn-Quế (1).

Bạch-Xuân-Nguyễn là một tham-quan gian-ác và biết rõ vua Minh-Mạng không bằng lòng Lê Tả-quân trong việc sách-lập Hoàng-thái-tử năm xưa, trong việc chém Huỳnh-công-Lý, trong việc vào chầu không chịu lạy... Vìra muốn lập công, vìra muốn tỏ uy-quyền, Bạch-Xuân-Nguyễn bới móc thêu-dệt nhiều chuyện không đâu, lại nói thác rằng phung mặt-chỉ tra xét việc làm của Lê Tả-quân khi cai-trị Gia-dịnh-thành. Bạch-Xuân-Nguyễn hạch hỏi thuộc-hạ của Lê Tả-quân về nhiều khoản chi xuất trong sổ sách không hai rành rẽ chỉ ghi «Tả-quân chi-dụng» về việc dĩ-công vi tư » là cho quân lính vào rừng Tây-ninh và Quang-hóa (2) đốn cây để dùng róng.....

Hơn nữa, trong lúc hạch hỏi, Bạch-Xuân-Nguyễn còn gọi xách-mé Lê Tả-quân là «Duyệt kia, Duyệt nọ » khiến cho thuộc-hạ trung-tín của Lê Tả-quân, những người khì-khai, hién-

(1) Năm Minh-Mạng 17 (1836) đổi tên tỉnh Phiên-an là tỉnh Gia-dịnh, và viên An-Biên Tông-dốc thì gọi lại là Định-Biên Tông-dốc.

(2) Trong thời Minh-Mạng Quang-hóa-bảo (sau đổi lại là Quang-hóa huyện-thành) đặt tại xã Cầm-giang ở khoảng giữa đường Gò-dầu-hạ và Tây-ninh, nay cách Sài-gòn 80 cây số. Lê Tả-quân cho đốn cây ở đây để sửa-sang đồn-trại thành-lũy và cho đóng thêm chiến-thuyỀn để phòng sự bất-trắc của quân Xiêm.

ngang, thiện-chiến — nhứt là Lê-văn-Khôi (1) — dau lồng, bắt
bình, phản-uất nèn tò thài-dộ chổng-dỗi.

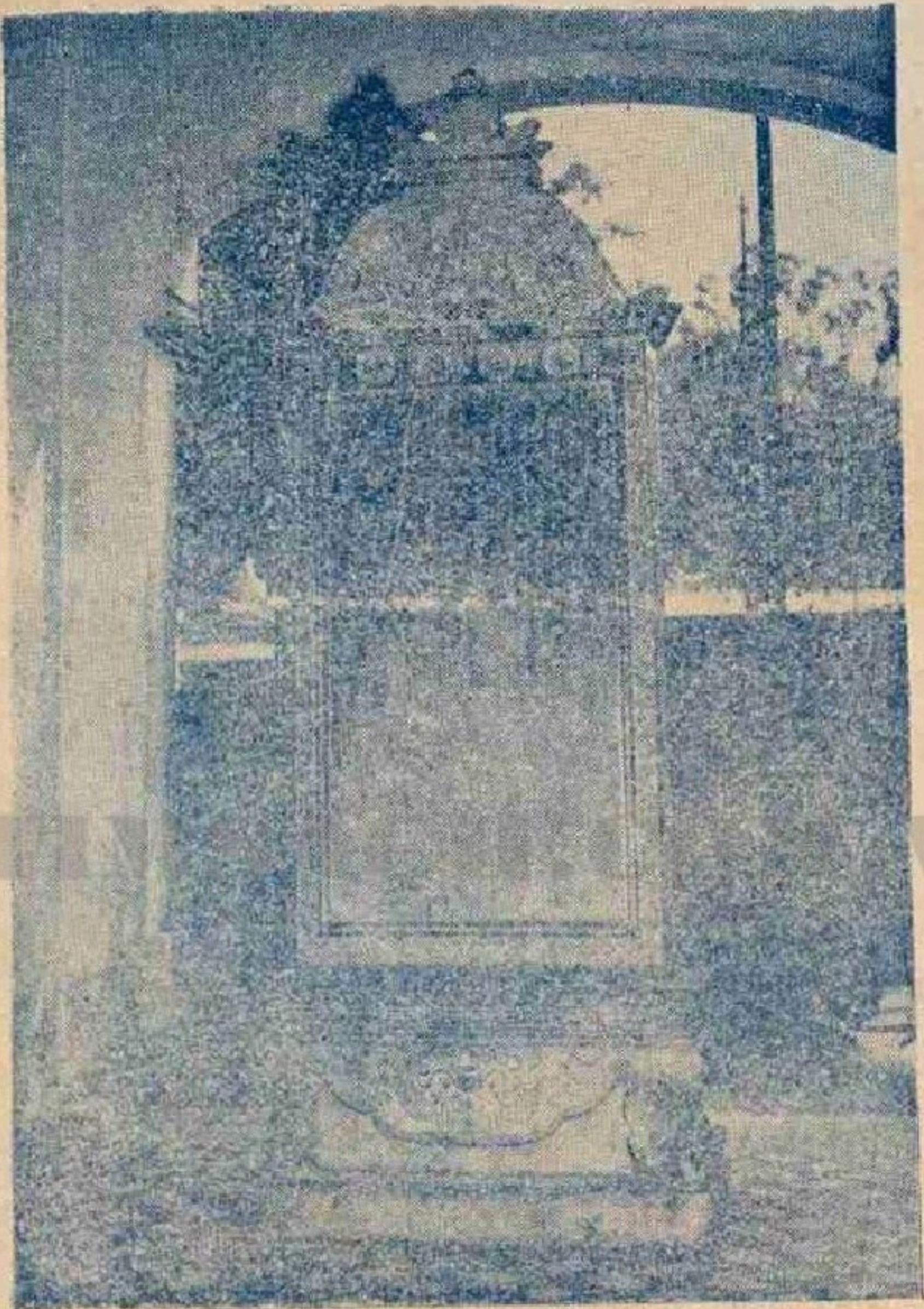
Bach-Xuân-Nguyễn bèn bắt giam Lê-Văn-Khôi và nhiều
người trong đạo linh Hồi-lương mà Lê Tả-quân đã xin đem
theo lúc vào bình loạn sái Kế, đạo linh mà Lê Tả-quân thu-
phục ở Thanh-Nghệ và Bắc-hà trong năm Gia-Long 18 (1819),
đạo linh mà trong lúc cai-trị Gia-dịnh-thành, Lê Tả-quân lấy
lượng khoan-hồng cho những kẻ phạm tội ngoài Bắc phát-phối

(1) Tên thật là Nguyễn-hữu-Khôi, một thồ-hào cù-khôi ở dãy
Cao-bằng, vẫn hay võ giỏi « doc ngang nào biết trên đầu có
ais từng khởi binh chống với Triều-định, coi rẽ các quan-sở
tại những khi nghe Lê Tả-q án ra kinh-lược Thanh-Nghệ,
Khôi mến-phục tái-đức nên từ Bắc-thành vào xin hàng,
được Lê Tả-quân tin dùng và cho đổi lại là Lê-văn-Khôi.

Truyền rằng, năm Minh-Mạng 1 (1820), từ Kinh-dò vào
trấn Gia-dịnh-thành, khi trải ngang Bình - định phế-thành
(thành xưa, cách thành mới 6 cây số). Lê Tả-quân ghé viếng
miếu mỗ Hậu-quản Võ-Tánh, rồi cùng Lê-văn-Khôi đến xem
di-tích Đồ-Bàn. Nhìn dấu vết cõi-dò Chiêm-thanh, ngâm hòn
tháp Cảnh-tiên. Lê-văn-Khôi cảm-hứng làm nên một bài Đường
luật hoài-cô đưa trình Lê Tả-quân; mà hai câu chót là :

« Ca-quản, lâu-dài vẫn cộng khứ
« Duy duy Tiên-tháp lão kiền-khon.

(Tạm dịch : tiếng đòn địch ca-xang, cảnh lâu-dài cung-
điện, đã cùng máy bay đi, đi mất ; chỉ còn một tháp Cảnh-tiên
« thi gan cùng tué-nguyệt » khoe già với Đất Trời.)



Văn-bia kỷ-niệm công-trạng và đúc-tánh
Đức Tả-Quán

vào Nam được sung thêm vào sau khi đã tỏ ra biết hối-cải và
muốn dái công thực tội.

Cũng như toàn-thể quân-nhân Gia-dịnh-thành, hầu hết
dàn-chung xứ Đông-nai đều rất kính-sợ Lê Tả-quản vì kiêng
oai, nhưng đều rất kính yêu Lê Tả-quản vì mến đức; bởi thế,
ai nấy cũng eru lòng oán giận Bạch-xuân-Nguyên.

Cũng bởi thế, Lê-Văn-Khôi và quân-dội bên ngoài liên-
lạc được với nhau.

Đêm 18 tháng 5 qui-ty (1833), Khôi thoát được khỏi khám.
cùng 27 người trong đạo linh Hồi-luong cầm đầu quân-sĩ nồi
lên doat thành Phiên-an, giết Tông-đốc Nguyễn-Văn-Quế và
bắt sống Bạch-Xuân-Nguyên đem «dẫn đèn» để tể Lê Tả-quản.

Rồi trong vòng một tháng, tất cả 6 tỉnh miền Nam đều
theo về Lê-Văn-Khôi.

Thinh-thể của Lê-Văn-Khôi rất lớn, đến dõi vua Minh-
Mạng phái sai ba viên lương-tướng là Tống-Phước-Lương làm
Thảo-nghịch Tả tướng-quản, Phan-Văn-Thúy làm Thảo-nghịch
Hữu-tướng-quản, Trần-Văn-Năng (người đã từng làm Gia-
định-thành Phó Tòng-trấn) làm Bình-khẩu tướng-quản cùng
hai viên Tham-tán quản-vụ là Nguyễn-Xuân và Trương-Minh-
Giảng, suất-lãnh thủy-binh, bộ-binh và tượng-binh vào đánh
Lê-Văn-Khôi.

Dần Vệ-Úy Thái-Công-Triều trở lóng quy-thuận Triều-
định, dân Lê-Văn-Khôi bị bệnh chết sớm vào tháng chạp quý-
ti (1833) dusk quân-dội nhà vua với binh-hùng tướng-dũng, bộ-
tốt quá ít của Lê-Văn-Khôi vẫn kiên gan cố-thủ cho tới khi
luong-thực cạn khô, cho tới ngày 7 Ất-mui (1835) thành Phiên-
an mới bị hạ.

Vụ Lê-Văn-Khôi quan-trọng đến nỗi vua Minh-Mạng không ngọt đớc-thúc vận thèm lương, tiếp thèm quân, và khi vừa hạ được thành, những viên chỉ-huy quân Triều trước hết là cho xô một cây cờ đỏ trên đề mấy chữ « Thành Phiên-an đã hạ » rồi dạy thay phu đồi ngựa chạy luon ngày luon đem từ Sài-gòn về Kinh-đô báo-tiệp (Hồng-ký báo-tiệp).

Vua Minh-Mạng hết sức vui mừng, truyền động cõi giải sầu thù-phạm (1) ở Gia-dịnh-thành về Kinh, còn bao nhiêu quân-sĩ và nam, phụ-lão, ấu-bắt được trong thành (1831 người) (2) thì đem chém hết và chôn chung một hầm, gọi là « Mă-Ngụy ».

Rồi vua cho phà hủy thành Phiên-an và xuống chiếu dạy định-thần truy-tội Lê Tả-quân.

Thì theo ý vua, Phan-Bá-Đạt ở Đô-sát-viện dâng sớ buộc tội vò cung-gắt-gao rồi định-thần « vạch lá tim sâu, bời lóng tim vết », dẽ, rốt cuộc, lên án Lê Tả-quân :

1 tội dâng phát quân

2 tội dâng xử giáo

7 tội dâng xử trảm ;

và riêng về việc gọi là dung-dưỡng Lê-Văn-Khôi và lính Hồi-lương để có cuộc « Phiên-an binh-biên » thì khép vào tội lăng-tri.

(1) Trong đó có con của Lê-Văn-Khôi mới 7 tuổi, một linh-mục người Pháp tên Marchand và một người Trung-hoa tên Mạch-Tấn-Giai.

(2) Theo Việt Nam sử lược.

Sau nữa, nội-các định tội : Cảnh-phạm tức Lê Tả-quân đã chết thi truy-dát cáo-sắc và bồ quang-quách mà hành tội xương thây, để làm gương hồn răn người khác ; còn tảng-tô, tô-phụ trước có phong-tặng thì truy-đoạt lại ; mồ mà Ông Bà Cha Mẹ có tiếm-dụng trái phép thì tước-hủy đi (1) ; con, cháu, vợ, hầu thì phản-biệt nghị tội ; tài-sản thi tịch-thu tất cả.

Án này đệ lên vua phán : « Những tội xét dang trảm quyết thi đòn làm trảm-giam-hầu (2) con cháu từ 15 tuổi trở xuống, thi tạm hay giam-giữ, trẻ thơ thi không bắt, 13 phụ-nữ dang tội phát-nô thi đều tha ; tội xét dang phán thày thi cũng bỏ qua ».

Còn đối với Lê Tả-quân thì vua phè : Xương khô trong mả, chẳng bở già-hình, vậy cho Tông-đốc Gia-dịnh phong mộ san bằng nắm và dựng trụ bằng đá trên khắc tám chữ lớn » QUYỀN YÊM LÊ-VĂN-DUYỆT PHỤC-PHÁP XỨ » (3)

Lê Tả-quân Phu-nhân thì được miễn tội (4)

-
- (1) Người ta quen gọi những ngôi mộ này là « lăng » (nên quan-triều mới nghĩ như thế), chò trên mộ bia không có chữ nào « tiếm-dung ».
 - (2) Bi án trảm, nhưng chưa chém ngay, còn giam lại.
 - (3) Đây là chỗ quyền-yêm Lê-Văn-Duyệt chịu hình phạt. Nhiều sách chép ba chữ sau là « thụ pháp xứ » nhưng liệt t. uyên chép rõ là phục pháp xứ « chữ phục pháp » mới đúng.
 - (4) Theo tài-liệu của Ông Nguyễn-Triệu, bút-hiệu Lưu-Thần, tác giả quyền Tiêu-sử Đức Thượng-Công Lê Tả-Quân thi khi được miễn tội, Phu-nhân về ở với sanh-mẫu là Bà Dôi, trong một ngôi chùa tại Chợ-Lớn, gọi là chùa Bà Dôi (vào khu sau nhà thương Chợ Rẫy, về đường Hùng-Vương ngày nay) ; không được bao lâu Phu-nhân qua đời và tạm táng tại vườn sau chùa, về sau mới cải táng bên mộ Lê Tả-quân, nên nay tại Lăng-Ông có mộ Song-hồn.

Qua Tự-Đức Nguyén-niên (1848) (1) vua nghĩ đến « công-lao bách-chiến » của Lê Tả-quân nên già-ân ban chức Cai-dội cho Lê-Văn-DIỀN con của Phò-mã Lê-Văn-Yến.

Năm Tự-Đức 2 (1849), Kinh-thành bị bệnh dịch hoành-hành, vua xuống chỉ dạy tìm cách cầu cho ngưng tai-hoa.

❖ Võ-biền Tạ-Quang-Tự, văn-thần Hà-Duy-Phiên tâu rằng nhiều oan hồn chưa siêu-thoát, vương-vân sớm hèm, gây nên phiền nhiễu, nên xin nhà vua rửa oan tay hận cho những người như Lê Tả-quân.

Vua ưng ý, dạy quan địa-phương dẹp cây tru cỏ khắc 8 chữ trên kia và để mặc-tình thân-nhau tư lo việc sửa-sang xây dập mờ phần cho Lê Tả-quân.

Liệt-truyện của Quốc-sử-quán tại Triều-dinh Huế còn thêm « Từ năm Minh-Mạng 16, sau khi Phan-yên-thành bị hạ, gấp dêm thanh vắng hay lúc trời âm-u, người ở gần mộ Lê Tả-quân nghe cỏ tiếng ma rên quỷ khóc hoặc cỏ tiếng người ngựa xôn-xao, khiến cư-dân chẳng dám đến gần, kê đi đường cũng dang lánh ra xa : đến lúc phần mộ đã được trùng-tu thì những tiếng rên rỉ nồi trên mới êm, mới dứt ».

Mãi đến năm Tự-Đức 21 (mậu-thìn, 1868), vua mới truy-phục nguyên-hàm cho Lê Tả-quân là »

« VỌNG-CÁC CÔNG-THẦN CHƯƠNG TẢ-QUÂN BÌNH-TÂY TƯƠNG-QUÂN QUẬN-CỘNG ».

(1) *Vua Tự-Đức lên ngôi vào tháng mười định-mùi (1847), nên năm sau mới là Tự-Đức nguyên-niệp (mậu-thân 1848).*



PHỤ - LỤC

TIM SACH . COM . VN

CÂU CHUYỆN SỬ-ĐỊA

Tả-quản LÈ-VĂN-DUYỆT cho rằng chơi gà nòi tức là tập đánh giặc chống xâm-lăng.

(Con gà nòi có đủ những đức tánh của một Đại-Tướng cầm quân ra trận).



LÈ-VĂN-DUYỆT sinh năm Đinh-Tị (1763) tại làng Hòa-Khanh, tỉnh Định-Tường, vàm Trà-Lợt (nay thuộc Mỹ.Tho).

Sinh ra đã deo tật kin (ái nam) nên tinh khi cũng khác người, không ham học và cũng chẳng chịu bạn bè cùng ai, cả ngày chỉ ham làm bầy, làm giỗ để bắt chim, đánh cá.

Ngài say mê nhất chơi gà nòi, không một cuộc chơi gà nào là Ngài không dự.. Ngài cũng tự nuôi khá nhiều gà chơi và thường đem dự cuộc, phần nhiều gà Ngài đều thắng cuộc và đã đem lại cho Ngài khá nhiều món tiền cuộc to lớn, rủi khi gà Ngài có bị thua, thì đêm về chân-chọc, bức-dọc mất cả ngủ, tỉnh đem hết cách huấn-luyện cho thành « gà nòi » mói nghe.. Nếu rủi nữa, con gà nào của Ngài bị thua đến hai lần, là Ngài chẳng tiếc gi đem đập chết liền, trừng phạt gắt-gao như phạt một Ông tướng bại trận theo quân-pháp cô-thời.

Năm Ông hai mươi tuổi, vua Gia-Long bấy giờ còn là Nguyễn-Vương, bị quân Tây-Sơn đánh thua chạy về Nam, vào nhà thân-sinh Ông DUYỆT là cụ Lê-Văn-Toại ở làng Trà-Lot thuộc làng Hưng-Long Rach Ông Hô tức Rạch Gầm, xin ở tro đở chân cùng với vài tướng cận thần.

Rồi cảm ơn tiếp dãi chu đáo của Ông Toai. Chúa Nguyễn thu dụng cậu con trai của Ông (tức Lê-văn-Duyệt) phong cho chức Thái-Giám.

Đến năm ẤL-Tị (1785) vua Nguyễn ở Xiêm về khởi binh khôi phục đất nước Lê-Văn-Duyệt được dự; làm cơ-mật mưu-sĩ, biến được nhiều kế hay. Ngôi sao của Lê-Văn-Duyệt từ đây trở đi một ngày một sáng ngời thêm.

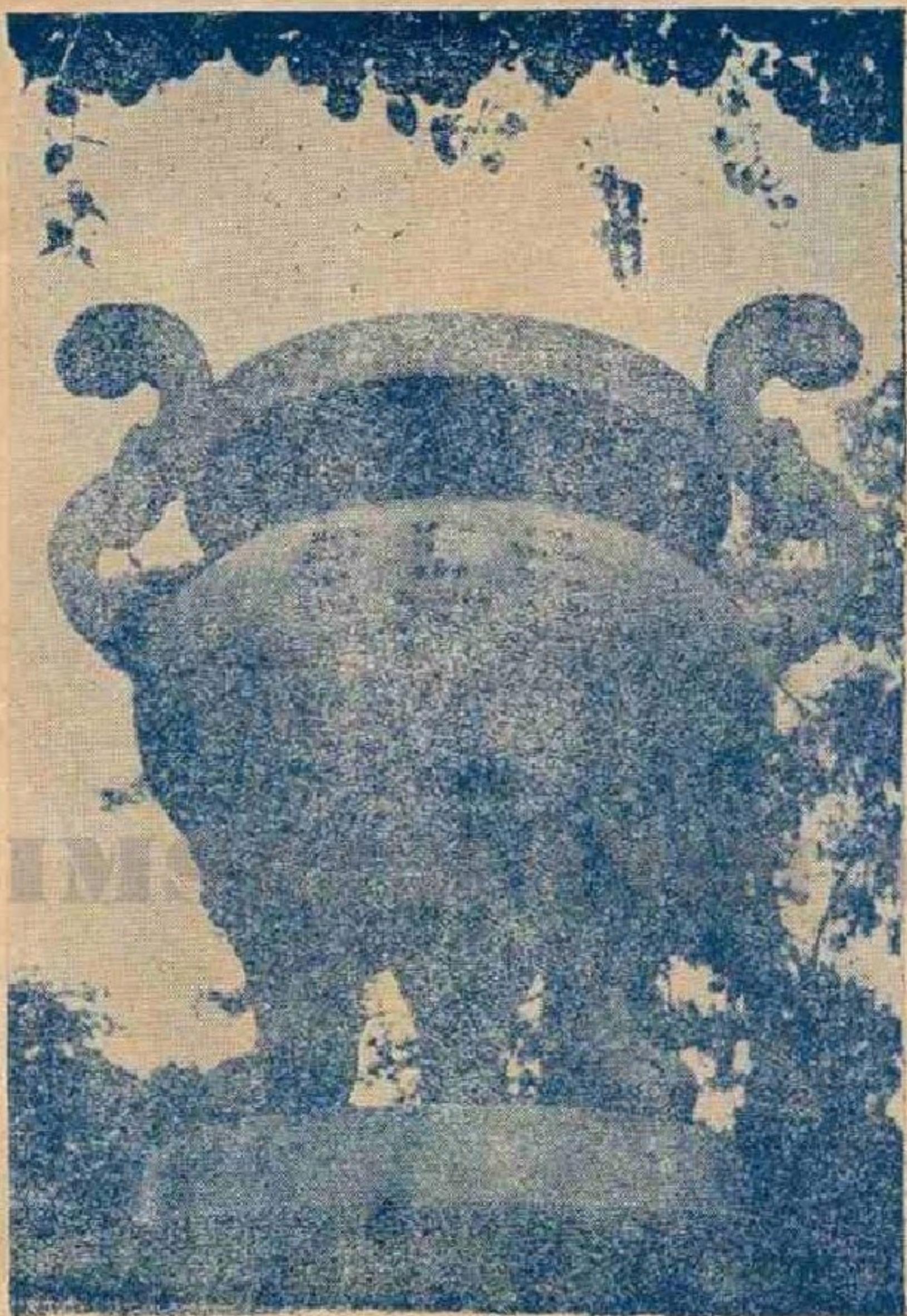
Hết chiến-công nhỏ đến chiến-công lớn, sau Lê-Văn-Duyệt được coi là Tả-quân của vua Gia-Long, lập được nhiều chiến-công hiển-hách, sau được phong đến tước Quận-Công.

Khi vua Gia-Long nhất-thống giang-sơn lên ngôi Hoàng-Đế, Lê-Văn-Duyệt được liệt vào Đệ-nhất Khai-quốc Công-thần, oai quyền lèch một gốc trời.

Tuy vậy Ngài vẫn không bỏ được tình ham chơi chơi gà và ham xem cái thú vui này nữa.

Nhất là trong thời bấy giờ trong nước thái-binhh, gươm giáo gác nghỉ, hội-hè đình-dàm mọc lên rất nhiều, cuộc chơi chơi gà càng đặc thời lâm lâm.

Quan quân Tả-quân đi đến đâu là ở đấy người ta tò-chức « cuộc chơi gà » để nghinh tiếp không khác gì cuộc duyệt binh tiếp rước các quan chức lớn ngày nay. Là một bức Thương-quan thể-lực trong triều, Ngài được vua tin dùng bao nhiêu,



Đánh Kỷ-niệm Hòa-Bình ở Việt-Nam, do xăm số
95 của Đức Tả-Quân báo trước trong đêm đầu
năm Giáp-Ngọ (1954)

thì các quan triều thần khác lại ghen ghét ngàn bấy nhiêu và lại căm tức là khác.

Vốn ai cũng sợ oai quan Tả-quân vì Ngài tinh nòng và thẳng đến nỗi vua Gia-Long cũng vậy, bọn triều thần tuy thế không ai dám thù ghét Ngài ra mặt... Nhưng sau lưng Ngài, họ vẫn kiêm cách dèm pha, thỉnh thoảng có dịp thi xen vào vài lời phê bình hay dèm pha kín đáo.

Một ngày kia, nhà vua triệu quan Tả-quân vào triều làm việc quân-quốc trong xứ Đồng-Nai, không hiểu vì lẽ gì, hôm đó Ngài vào chậm hơn các quan một chút. Và chẳng biết có ai dèm pha gi không, mà vua Gia-Long phán hỏi quan Tả-quân bằng một giọng nghiêm-nghi, nặng như chì và lạnh như nước.

— Khanh còn hận xem « đá gà » ??

— « Muôn tàu bệ-hạ, hạ-thần khó ở phải gương vào chầu»

— Nhưng tinh khanh rất ham gà chơi ?

— « Muôn tàu Thành-thượng, cái đó quả có! Hạ thần tưởng ham gà chơi không phải là một tội lỗi. Có lẽ là một việc nên khuyến-lè, vì đó là một cuộc chơi có ý-nghĩa và đem áp-dụng vào việc đời, sẽ gây nên kết-quả rất hay . . . »

— Chơi gà mà có ích như vậy ư ?

Nghe giọng Hoàng-thượng quờ mặt vày, bá quan đều len lết liếc trộm Tả-quân.

Lê-Văn-Duyệt nét mặt vẫn thản-nhiên, vẫn quý tàu riết bằng giọng đường hoàng dông-dạc và khúc-triết như thường, nghe tựa người binh văn hay tuyên chiến.

— « Muôn tàu, nếu hạ-thần đã giúp được bệ-hạ một việc

nhỏ gi trong quân là nhở gà chơi cả... Bè-hạ thủ cho tôi
bối thắng, hạ thần xin tàu, như người xưa đã nói, gà quả là
một loài cầm gồm đủ 5 đức lớn.

1— Đầu có mào như đôi mũ là Văn

2— Chân có cựa nhọn là Vũ

3— Thẩy kẽ địch trước mặt dám xông vào là Dũng

4— Thẩy cái ăn thi gọi đồng loại dến cùng ăn là Nhan

5— Ban đêm cứ tối giờ, tối canh là gày... là Tín

Văn, vũ, tín, nhan, dũng, 5 đức ấy là năm đức cần cho kẽ
cầm quân, làm tướng... mà nếu không có 5 đức ấy thi ba quân
không lấy gì làm phục, quân giặc không lấy gì mà phải thua.

Hạ thần học thiền tài sơ, toàn nhở gà chơi day cho 5 đức
úy ngay từ thuở nhỏ, nên nay mong on vũ-lộ mời được dự
lãm kẽ nhân thần.

Dám mong bè-hạ tha cho ha thần cái tội ham chơi gà chơi.

Tâu xong, quan Tả-quân Lê đáp đầu lạy mãi.

Vua Gia-Long mím cười, thân ra nâng dây, úy-lao máy
cầu và hẹn DUYỆT hôm sau đêm hết cả gà chơi vô cung dẫu
dâng ngự lãm...

TƯƠNG SAN-HẬU VIẾT TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO ?

Trong bản chữ nôm chúng tôi không thấy biên tên soạn-giả chỉ thấy đề : « Do Minh Chương Thị đính chánh, Bửu Hòa Các thơ cuộc ở Quảng-Đông khắc bản và nhà Quảng-Thanh Nam Chợ-Lòn phát hành ». Vậy tương San-Hậu viết hồi nào ? Do ai viết ? Trước khi trả lời, xin quý độc giả cùng chúng tôi giở lại trang sử dời Nguyễn để xem truyện Tả-quản Lê-Văn-Duyệt ; vì Ngài sanh bình rất thích hát bài, lại có cản-duyên với tương san-hậu.

Ngài là một vị Khai-quốc Công-thần nhà Nguyễn, theo Nguyễn-Ánh từ khi thất lạc vào Nam, liệt vào hàng tòng vong. Đến sau vua Gia-Long phong làm Tòng-trấn Gia-định-thành. Đến thờ nay hãy còn được sùng-tu rất trang-nghiêm, ở tại Gia-Định, tục gọi Lăng-Ông Bà-Chieu.

Ngài làm Tòng-trấn rất có oai quyền lại được lòng người kinh phục. Chỉ vì bản-thân vô-tướng, quen tính nóng nảy, lại cũng ý mình khai-quốc công-thần, lầm khi ở chốn triều-dương không hòa theo ý vua Minh-Mạng, nên nhà vua không bằng lòng. Mặc dầu vậy, vua Minh-Mạng cũng làm ngơ. Ông Lê-Văn-Duyệt ở Gia-định-thành không khác một tiêu-vương. Nhàn rãnh thi đá gà, xem hát bài. Truyền rằng Ông có sắm một lán hát, chọn ròng những nghệ-sĩ điêu-luyện. Có một chuyện là

Ông không thâu nhận nữ nghệ-sĩ, cho nên trong ban vai đào do kép thủ. Làm đầu trong Ban (Quản-lý) là đội Nhứt Chiêu. Nhữn tuồng là nhữn ; Sắt. Nghệ-sĩ danh tiếng gồm có :

Nghệ-sĩ Thứ : vai Tuồng

— Thao :

— Cu : Chuyên làm Trương-Phi

— Việt :

— Cần : Vai kép (Anh Chim chuyên thủ vai Kim

— Chim : Lân)

— Trắc : Chuyên vai hè, quê-quàn ở Qui-Nhon,
: cựt một cẳng nén gọi là Trắc Cựt.

Nghệ-sĩ Cần : Cũng kêu là Ông Cần chuyên làm yến.

Mỗi khi hát, chấm son phấn lọ vào hai
bàn tay, rồi in trên mặt hỏa mặt yêu coi
ghê sợ lắm. Bùa nào Ông Cần có vai tuồng
thì Ông Thượng cầm đàn bà vào trường
hát. Đến ngày nay mỗi năm giỗ Ông Lê-
Văn-Duyệt thì có một mâm cúng Ông
Cần. Nghệ-sĩ trong nghề cứ tên thường
nói Cơ.

Cụ Thượng ưa xem tuồng « Tam Cầm Tam Phóng ». Đội
Chiêu thủ vai Đinh-San. Còn Nhữn Sắt thủ vai Lê-Huê.

Có anh kép hát tên Chương ở Lục-tỉnh về, vào xem hát,
chè Đội Chiêu làm Đinh-San kém. Người ta học lại với Ông
Thượng. Ông cho doi và biều Chương vào thay Chiêu hát thử,
nếu dở thì bị đánh đòn. Chương thủ vai Đinh-San quả tuyệt
diệu, Ông khen nức nở và cho nhập Ban.

Đội Chiêu đã không giận lại thương kép Chương. (Tinh-thần nghệ-sĩ thời ấy như vậy, còn ngày nay như thế nào ?)

Kép Chương lui tới trong dinh Thượng, ân nghĩa chưa tròn, tâm tính lại loạn, tư thông với một cõ hầu. Ông Lê hay được truyền chém kép Chương. Bây giờ Đội Chiêu mến tài Chương đem Chương dấu kín, rồi vào khám tim một tên tù tử tội sắc diện giống Chương đem ra chém. Sau đó một năm Ông Lê xem lại tuồng « Tam Cầm Tam Phóng » thấy Đội Chiêu làm Đinh-San, bất giác nhớ tới kép Chương, than tiếc rằng : « Chờ phải Chương không sanh lòng quấy cho đến đổi ta giận mà chém, thì nay vai Đinh-San hay biết chừng nào ? »

Đội Chiêu nghe vậy, đợi xong tuồng hát, kêu nghệ-sĩ vào lay Ông Lê thú thiệt việc dấu Chương và xin tội cho Chương. Ông Lê thương tình tha cho. Chương lại trở lại sân khấu trong vai Đinh-San.

Mỗi khi hát, Ông Lê Chấp cõ-linh (trống nhỏ có cán). một tay cầm trống một tay cầm dùi, thường hay phạt dỡ. Ông nghe từ câu văn, xem từ bộ tịch.

Bộ ngồi của Ông là bộ hồ, nghĩa là xếp hai bàn cảng qua một bên. Hát sai hát bảy thi không tránh khỏi bị đòn, cho nên nghệ-sĩ cần chuyên nghệ-thuật nghề-nghiệp trau dồi, muôn nghe tiếng trống thường, sợ nghe dùi gỗ dăm (là không đánh trên mặt trống, mà lại gỗ ngoài dăm). ■

Coi tuồng Tàu riết rồi Ông Lê bắt chán, bèn Đội Chiêu cho hát tuồng mới. Đội Chiêu mời cây một quan hầu cận Ông Lê, không biết là ai và dường như là Phó Vệ Úy Lê-Văn Khoi,

con nuôi Ông Lê-Văn-Duyệt, người gốc ở Cao-Bằng sau chạy vào Thanh-Hóa theo Ông Lê. Tên tộc là Nguyễn-hữu-Khôi. Anh r้าย sẵn ghét vua Minh-Mạng như Ông Lê, thường phủ cha nghịch vua, muốn cha xưng vương một cõi. Nương dịp ấy, viết ra tuồng San-Hậu. San-Hậu tức là thành San-Hậu, nơi Phàn-Định-Công trọng trấn, cũng như Ông Lê trấn Gia-dịnh-thành. Khôi lại có ý muốn cho Lê-Văn-Duyệt xưng vương một cõi nên trong tuồng khi đi ra San-Hậu, Phàn-Định-Công có nói qua Xuân :

Quân lệnh ! Truyền quân-sĩ
Xa mǎ thượng trình
Y nhất lệnh năng hành
Đến xưng vương San-Hậu.

Phàn - Định - Công trấn San-hậu.thành, chết tại San-hậu.thành, rồi ngày sau con trai là Phàn-Diệm cũng hung Tể-diệt Hạ, cũng khởi tại San-hậu.thành. Suy thanh tồn vong đều ở nơi San-hậu, cho nên đặt tựa tuồng là San-Hậu.

Có lẽ Khôi nghĩ tới tên thành Gia-dịnh và tước-phong của cha, rồi ghép chữ Định với chữ Công mà đặt tên là Phàn-dịnh-Công, không đề Lê-Định-Công là quy luật âm-thanh, đầu bình hụ sau bình thượng nghe êm tai hơn.

Theo như tương-truyền kể lại ở trên, thì tuồng San-Hậu có lẽ là do một văn-sĩ dưới trướng Ông Lê-Văn-Khôi viết ra.

Người đó là con nuôi của Ông, Phó Vệ Úy Lê-Văn-Khôi. Từ lập Miếu thờ ông cho tới nay, đến lê-giô mừng 1 tháng 8, luồn-luồn hát ba thứ San-Hậu, là tuồng lúc bình-sanh Ông

thích xem lại là những tuồng do con nuôi Ông viết.

Chúng tôi có thể nghe lầm, mà gốc tích tuồng như vậy, cũng có thể đúng. Nhờ quý độc-giả giúp thêm tài liệu. Người ta lại còn thêm rằng ban sơ Ông Khôi đề cho Tạ Ôn Định bêu đầu Phan-Định-Công. Ông Lê xem tới đây bỏ trống xuống mà nói : « Làm một vị tướng mà để cho nịnh nó bêu đầu, xấu hổ quá » Ông Khôi nghe vậy sửa lại lớp ấy, đề Phan-Định-Công chém sứ để cờ, rồi chưa kịp cự binh phục Tè thi bị Trời đòn.

Có người nói tuồng San-Hậu do một văn-sĩ Thần kinh soạn. Chúng tôi không dám nói đúng hay không đúng, vì không đủ tài-liệu.

Chúng tôi chỉ biết được rằng Ông Đào-Tân là một soạn-giả trú danh ở Trung-phần có viết lớp « Treo Đỗng-Mẫu », tiếc vì không có nguyên bản tuồng, nên không biết rõ Ông Đào đã viết trong tuồng San-Hậu hay là chỉ chấn chỉnh lớp « Treo Đỗng Mẫu » mà thôi.

Văn tuồng về lớp này có nhiều đoạn lối giống lối tuồng trong Nam, chém vào nhiều câu khách để cho Ôn-Định, Lôi-Nhược, Đỗng Mẫu và Kim-Lân đối đáp nhau. Khi Kim-Lân lia Tạ-thành về San-Hậu có hát ba câu Nam :

Chúng tôi thấy Ông chấn-chỉnh lớp này là đúng. Vì theo tuồng trong Nam, lớp này hơi nguội và nguội nhất là lớp Kim-Lân từ-biệt Tạ-thành. Chỉ nói tron-tru một câu lối giả :

Hủy mẹ mẹ ôi ! Hạ lệnh truyền quân chúng, mau trở lại bồn dinh :

Lợt lạc quả, dầu sau không nghe nghệ-sĩ Nam phẫn hát khách hay hát Nam theo Ông Đào vì họ không biết ? Chúng tôi

sẽ dăng phu vào bắn Nam phần, lợp treo Đồng-Mẫu để chờ
quý độc-giả thưởng-thức câu văn chải chuốt của Ông Đào-Tân.



Sau đây là một câu chuyện hào-hứng về thú chơi đó do Ông Phan-Văn-Thiết kể lại mà ngày nay dân Việt-Nam vẫn còn truyền-tụng :

Hôm ấy Thượng-Công Lê-Văn-Duyệt cầm chầu coi gánh hát của mình diễn tuồng Võ-Thành-Lân. Kép Hứa-Văn thủ vai trung-thần bị bọn nịnh soán ngôi vua rượt chạy. Phóng ngựa tới bờ sông, nghẹt lối, không thuyền, may gặp cá rước, kép ta liền hát nam rắng :

Ô mả qua miền hải ngạn,

Công Tiên-Hoàng tò rạng đường non

Lúc này anh ta đã ngồi yên trên lưng cá, khoan thai hát nam tiếp ;

Võn vơ cá lội như cò... Họ,

Tác thi cụ Thượng gõ dùi trống đánh các một tiếng lên thành trống. Cá chờ ngựa sao mà họ ? Kép Hứa-Văn tự hiếu, bụng bảo dạ : Lát nữa, khi vang hát, sẽ phải nằm ăn đòn. Nhưng lạnh trí, kép ta làm bộ thẫn nhiên hát nam tiếp theo, họa may sẽ gở tội được một phần nào :

Họ..., Tưởng đâu ô mả, ai ngờ lý-ngu !

Một loạt trống đánh lên thùng, thùng, thùng, Thượng-Công vừa cười vừa nói lớn : « Hay, hay, tha tội, tha tội ».



**50 NĂM THÀNH LẬP
HỘI THƯỢNG-CÔNG QUÍ-TẾ**

*Lược-trình lại lịch Lăng Ông
Bà-Chiêu và những hoạt-động
của Hội Thượng-Công Quý-Tế*

**QUA NĂM ĐỜI BAN QUẢN-TRỊ
TỪ 1914 ĐẾN 1964**

PHẦN THƯ NHỨT

LĂNG-ÔNG CÓ TỪ ĐỜI NÀO ? Do đâu linh-hiền và được thiên-hạ sùng-bái cho đến nay

Hai năm sau ngày tàu quốc, lưu-vong ở miền Nam, chúa Nguyễn-Ánh lúc bấy giờ cũng gọi là Nguyễn-vương, đã may mắn tìm được một người « Ban-Đường » để sau này phục-nghiệp (1802) và người « Ban-Đường » ấy là Đức Ông LÊ-VĂN-DUYỆT, sau này là Đức Thượng-Công, Tả-quân Lê-Văn-Duyệt, kiêm Tòng-trấn Gia-dịnh-thành.

Việc chúa Nguyễn-Ánh phục-nghiệp, thông-nhứt sơn-hà, lấy hiệu Gia-Long đã đi đôi vào lịch-sử đồng-thời với công-nghiệp của một vị danh-tướng đã dày công phò Vương-tàu-quốc, mở rộng giang-san và xây dựng lại cơ-đồ triều Nguyễn, vị tướng lãnh ấy là Đức Tả-quân Lê-văn-Duyệt sanh trưởng ở Rạch-gầm (làng Long-Hưng Định-Tường) thủy thồ miền Nam.

Và xin dè qua một bèn những chiến-công khi phò Nguyễn-Vương, sự-nghiệp của vị anh-hùng dân-tộc Lê-Văn-Duyệt còn kéo dài trong cuộc tể-thế an-bang, bình thiêng-hạ, từ Nam chí Bắc.

Với một kỵ-công sáng-lao khai-cơ to tát, Tù-quân Lê-Văn Duyệt lúc bấy-giờ là Tòng-trấn Gia-dịnh-thành, còn có cả những uy-quyền đối với các lân-quốc như Xiêm-La (Thái-Lan) và Cao-Miên (Cam-Bốt).

Bao nhiêu lần áp-dǎo quân-lực Xiêm-la xâm-lăng và ra mặt bảo-hộ Cao-Miên để nêu cao thế-lực của Nguyễn-Triều nói riêng và Việt-Nam nói chung.

Chinh-Tòng-trấn Gia-dịnh-thành đã xây tháp Chruichanwar để dòm ngó và bảo-vệ các triều vua họ Nặc Ông-Đom.

Ngôi tháp này đến năm 1950, Chánh-Phủ Hoàng-Gia Cam-Bốt đã cho phá bỏ rồi.

Cũng do đó mà hằng năm Miền-triều đều có dâng lễ cống, nhưng không phải dâng cho Triều-Nguyễn mà là dâng cho Tòng-trấn Gia-dịnh-thành người có phận-sự bảo-vệ Cao-miên quốc.

Vì công-nghiệp lớn-lao đó của một vi khai-quốc Công-thần, nên dưới triều đại Gia-Long, Tòng-trấn Lê-Văn-Duyệt mỗi khi lai Kinh (Huế) triều-kiến đều được ân-huệ : « Nhập triều bất bài »

Cũng trong thời-gian này, song-song với công cuộc giữ yên bờ cõi miền Nam, gày uy-tin với lân-quốc, Tòng-trấn Gia-dịnh-thành còn can-thiệp vào nhiều việc của Trều-dinh Huế, mà hậu-quả đã làm cho sau này vua Minh-Mạng bất-binh. Như việc can vua Gia-Long không nên lập Hoàng-Tử Đảm tức là vua Minh-Mạng làm Đông-Cung mà nhứt là việc xử trảm Huỳnh-Công-Lý, cha của một trong đám cung-phí sủng-ái của

vua Minh-Mạng và do đó mà hiềm-khích giữa vua Minh-Mạng và Tông-trấn Gia-dịnh-thành càng nhiều thêm.

Ngoài ra Tông-trấn Gia-dịnh-thành, còn có những chánh-sách đối ngoại và đối nội khác dưới triều-đinh Huế dưới thời vua Minh-Mạng — là cương-nhu với Pháp, không cấm-doan Giáo-dân.



Đến năm 1832, người « Ban-Đường » của Tiên-Đế (Gia-Long), Đức Tả-quản Tông-trấn Lê-Văn-Duyệt tạ-thể, đêm 30 tháng 7 năm Nhâm-Thìn, hưởng thọ 69 tuổi.

Cũng không bao lâu sau đó, Lê Tả quản mang-phụ cũng tạ-thể và do đó mà có ngôi mộ *Song-Hồn*, tọa-lạc tại xã Bình-Hòa và tồn-tại đến ngày nay trên một gò đất giồng hình « Qui bối » chau-vi gần một mảnh đất ; không kẽ trộn cả vùng gồm có hai ngôi mộ của hai cô hầu nằm hai bên mộ Đức-Thượng-Công, rộng lớn hơn bằng hai chau-vi vòng thành Lang mộ hiện nay.

Về sau, bị nhà cầm-quyền Pháp cho phỏng đường qua ngang, làm tách rời hai ngôi mộ cô hầu ở hai bên tả hữu (tục kêu là Mả Cô), mất đi vẽ hùng-vĩ tôn-nghiêm và chau-vi Lăng. Miếu bị thau hẹp lại như bấy giờ,

Tuy-nhiên, ngôi mộ Ông vẫn còn ở vào một nơi cao-rào và sầm-uất với đầy vẽ linh-thiêng.

Càng linh-thiêng hơn nữa là, từ sau ngày bị vua Minh-

Mạng trả thù, cho ban mộ Ông với án-lịnh :

« QUYỀN YÈM LÊ-VĂN-DUYỆT PHỤC PHÁP XỨ »,

Từ sau đó, khi thiêng chung-quanh ngôi mộ như vi bị oan khóc mà bật nỗi lên, theo lời người xưa kề lại, thì lúc bấy giờ mỗi khi màn đêm phủ xuống là nghe có những tiếng như « Thần-sầu quỉ khóc » từ chung-quanh ngôi mộ dày lên, thêm vào đó tiếng binh mã xôn-xao.

Do đó người đời bắt đầu đặt tin-tưởng vào sự linh-thiêng của ngôi mộ này hơn những ngôi mộ của các vị công-thần khác như Võ-Tánh, Võ-di-Nguy, Nguyễn-Văn-Học, Trương-Tấn-Bửu v.v...

Rồi thiên-hạ đồn nhau đến mộ dâng hương cúng vái đều được linh ứng. Lâu ngày, người ta quen gọi miêu thờ Ngài là « Miếu Ông » và mộ Ngài là « Lăng Ông ».

Nhứt là giới Huê-kiều vốn giàu lòng tin-ngưỡng họ năng tới lui cúng kiếng, cầu tài, cầu phước, cầu an. Vì cầu là được — hưu cầu tắc ứng — theo lối xin xám, nên họ càng sùng-bái không thua người Việt.

Và theo tập-tục, Huê-kiều họ quen gọi Đức Tả-quân LÊ-VĂN-DUYỆT là Phò-Mã Da-Da.

Mười bảy năm sau, nghĩa là đến triều vua Tự-Đức thứ hai (1849) triều-định xét lại án « Quyền Yêm Lê-Văn-Duyệt » ra lệnh dẹp bỏ cột trụ hài tội, đồng thời cho phép trùng-lu ngôi mộ, lập Miếu thờ.

Miếu Ông, bây giờ người ta quen gọi là Lăng-Ông, bắt đầu dựng lại từ năm 1849, kể đến nay (1964) là đã trải qua 115 năm.

Và luôn tiếp 65 năm sau (1849-1914) mới công cuộc tế-lễ, trùng-tu Lăng-Ông đều ủy-thác cho hương-chức Bình-hòa-xã với số huê-lợi ruộng nương mẩy chục mẫu ở ngay trước mộ (bây giờ là những phần đất ở hai bên đại-lộ Lê-Văn-Duyệt Gia-dịnh) ra tới Cầu Bông.

Cho đến năm 1914 mới có một Hội mệnh-danh là Hội Thượng-Công Qui-Tế ra đời, thay Hương-chức Bình-hòa-xã đe-dám trách công việc tế-tự và trùng-tu.



Cho đến bây giờ, khách thập-phương đến viếng Lăng-Miếu luôn-luôn cảm-niệm, tháng ngày tuy qua mà thanh-danh của Ngài vẫn còn lừng-lẫy như thuở nào.

Trước ngôi mộ cồ, đơn-giản mà hùng-tráng, trước một đèn thờ chính-túc, mỹ-lệ, du-khách cũng như đà việt cung-dường quanh năm, vẫn giữ trọn lòng tôn-kính.



Một gia-dinh người Trung-Hoa danh tiếng ở Thủ-đô, có lần người con đi mất, tìm kiếm khắp nơi mà không ra tông-tích. Võ Lăng cầu xin Ngài chỉ dạy, thì Ngài cho biết trong một cây xâm là 3 ngày sẽ trở về, vẫn còn ở Saigon, chờ không xuất ngoại.

Vì sự linh-thính, gia-dinh này vào tạ ơn Ngài và dâng cúng tiền sơn phết lại Miếu Ngài cho tốt đẹp.



Một bằng-chứng cụ-thể khác là đêm Giao-Thùa năm Giáp-Ngo (1954), Ban Quản-Trị Hội Thương-Công Qui-Tế và một kỵ-giả của một tờ báo ở Thủ-đô có xin một quẻ-xâm về tình-hình nước-nhà, thì Ngài cho quẻ-xâm số 95, diềm Hòa-bình, với câu :

« Lưỡng già thủ thế

« Đáo-dễ hòa-bình ».

Việc này có đăng trong báo « Tiếng-Dội » số 1214 ra ngày 8-2-1954 và đến ngày 20-7-1954 quả-thấy chiến-tranh chấm-dứt ở Việt-Nam.

Về sau Hội Thương-Công Qui-Tế có xây một đài-danh-kỷ-niệm sự-việc vừa-kết trên, ngò-xiên qua Tòa Tỉnh-Trưởng Gia-Định và hằng-năm Hội-cũng Tổ-chức lễ cầu-nguyện Thanh-bình cho đất-nước và Hòa-bình thế-giới.

Cũng-như, gần đây có một đoàn-thỉnh-sắc ở đường Hoàng-Hoa-Thám đi ngang Lăng-Miếu, chuông-trống ầm-ỉ : nhưng vì

không-giữ-lẽ như các-dâm-thỉnh-sắc, kiệu-cung-nghinh, dâm-tang v.v.. qua Lăng thường có người vò-bái-yết Đức Ông hay khoán-án bằng giầy-dỗ dán hay để ngoài-vòng-rào Lăng rồi mới được đi qua.

Dâm-này ngang-nhiên ràn-rộ kéo-tới-rồi bị-xô-ngã cả-kiệu và-người, những-người-phu-kiệu mặc dù-cố-bịn nhưng-không sao-cuống-lại được, phải-bị-quật-ngã-bên-dường.

Sau đó, có-người chỉ-vò-Lăng, đánh-lê-tạ-lôi, rồi-mời-tiếp-tục-dưa-kiệu-về-Đền-dược-bình-yên.



Đến như vụ tranh-chấp giữa tụng-định, Tòa án cũng thường cho phép đôi bên nguyên-bị đến Lăng minh-thê.

Đó là ghi nhận một vài sự linh thiêng đã khiến cho thiên-hạ tin-tưởng và sùng-bái Lăng-Ông về lúc sau này.

Còn chẳng biết bao nhiêu câu chuyện truyền khẩu về những kẻ đã bị Ông vật, bị Ông bắt học máu, bởi khi vào Lăng-Miếu thiểu sự tôn-kính hay nghinh-ngang, hay vì dối-trá, lường-gạt, gian-ác.



PHẦN THỨ HAI

LAI-LỊCH VÀ HOẠT-DỘNG CỦA HỘI THƯỢNG-CÔNG QUÍ-TẾ QUA NĂM ĐỜI BAN QUẢN-TRỊ (TỪ 1914 ĐẾN 1964)

Cũng nên ghi nhận sơ-lược lại đây các giai-doan đã qua cho tới ngày thành-lập Hội Thượng-Công Qui-Tế.

Đức Lê Tả-quân sinh năm 1764 và tạ-thế năm 1832, hưởng thọ 69 tuổi.

Năm Tự-Đức thứ hai (1849). Triều-dinh Huế ban chiếu cho trùng-tu phần mộ và lập Miếu thờ.

Năm Tự-Đức thứ 13 (1860) vua ban sắc-đụ cấp ruộng đất hai bên và trước Lăng-Miếu của Ngài cho xã Bình-hòa (Gia Định) thâu huê-lợi để lo phụng-tự.

Từ năm 1862 đến 1882, việc cúng-t tế và trùng-tu không được thi-bành đúng như tinh-thần của sắc-lịnh vua Tự-Đức hồi năm 1860, bởi hồi nầy Nam-Kỳ hoàn-toàn thuộc Pháp, nên sắc-lịnh nhà vua mất hiệu-lực.

Từ năm 1882 tới 1914, sắc-lịnh được phục hồi do văn-kiên kỵ giữa Hương-chức xã Bình-hòa với nhà cầm-quyền tỉnh Gia-

định ngày 23 tháng 5 năm 1882, có Thống-Đốc Nam-Kỳ chấp-thuận trong phiên họp Mật-Viện ngày 29 tháng 5 năm 1882.

Tiếng là giao trả, nhưng sự thật Hương-chức xã Bình-hòa không được xuất phát, nên việc thờ cúng chỉ lầy lè, còn phần trùng-tu thi tuyệt-nhiên không có vì thiếu tài-chánh.

Bởi thế, nhân-dân hồi ấy không hài lòng, mời họp nhau lo việc cúng-tế và trùng-tu Lăng-Miếu cho xứng-dáng với công-trang của một vị anh-hùng dân-tộc.

Và một Hội mệnh-danh là « HỘI THƯỢNG-CÔNG QUÍ-TẾ » chánh-thực thành-lập vào ngày 16 tháng Giêng Năm 1914 với bốn Điều-lệ mà quyền-hành đều tập-trung về vị Tỉnh-Trưởng với số hội-viên nhất định là 20 vị.

Hội này có bốn-phận đảm-nhiệm việc thờ cúng từ đó, mà không hề thọ lãnh một khoản phụ-cấp nào khả-dĩ chứng tỏ tượng-trưng lòng tri-ân của Chánh-Phủ hay của xã Bình-hòa đối với công-nghiệp của Đức Thượng-Công lúc sanh-thời cũng như đối với sự anh-linh hiền-hitch, hộ-quốc, ty-dân hiện tại.

BAN QUẢN-TRỊ THỨ NHÚT (1914 — 1922)

Chỉ gồm có quí Ông, Bà sau đây :

- | | |
|----------------------|----------------------|
| 1 - Trương-Văn-Trạch | 2 - Nguyễn-Văn-Cường |
| 2 - Lê-Văn-Xuân | 4 - Võ-thị-Liên |
| 5 - Bùi-Văn-Lòng | 6 - Nguyễn-Văn-Đươn |
| 7 - Phạm-Văn-Du | 8 - Trần-Văn-Khuê |

- | | |
|--------------------|---------------------|
| 9— Phạm-hữu-Danh | 10— Trần-Ngọc-Thông |
| 11— Đỗ-Tấn-Phát | 12— Huỳnh-Văn-Tàu |
| 13— Lê-Văn-Năng | 14— Lê-Văn-Chi |
| 15— Đội Thiền | 16— Phó Tòng Bích |
| 17— Trần-Ngọc-Phát | 18— Trương-Thế-Nho |
| 19— Lục Bộ Phát | 20— Huỳnh-Công-Hiệp |

Ban Quản-Trị làm việc được 8 năm.

BAN QUẢN-TRỊ THỨ NHÌ

Ô.Ô. Diệp-Văn-Cương, Huỳnh-Văn-Nhiều, Lê-Văn-Phát
(1922-1932)

Với qui Ông : **HANISACH.COM.VN**

Nguyễn-Kim-Đinh	:	Lê-Văn-Ý
Nguyễn-Tấn-Cung	:	Nguyễn-Văn-Bích
Nguyễn-Ngọc-Kiết	:	Mai-Văn-Phải
Võ-Văn-Bồng	:	Trần-Ngọc-Điều
Nguyễn-văn-Ngỗi	:	Huỳnh-Văn-Bảy
Nguyễn-Văn-Quօi	:	Trần-Văn-Phụng
Phương-Văn-Đức	:	Phạm-Công Cầm

Trương-Tấn-Cử

Lê-Kim-Tiền

Trần-Văn-Rạng

Trần-Ngọc-Thông

Bùi-Văn-Nhiều

Cùng một số 20 vị đè thay thế cho những Ông, Bà hồi 1914-1922.

Qui vị trên đây tiếp-tục lo việc Hội Thương-Công Quố-Tế từ ngày 17 tháng 9 năm 1922 tới năm 1932 là 10 năm.

Với Ban Quản-Trị sau này có lập vi-bằng các phiên họp đầy đủ chi-tiết, có con dấu, giấy thơ và bao thơ in tên Hội rõ ràng, và cũng từ đây có tủ đựng tiền bá-tánh dâng cúng (10-1-1923) có người bán xám và cuốn sổ đè bá-tánh kêu nai ghi vào đó. Năm 1923, có Bà Nguyễn-Kim-Đinh (Thanh-thị Mậu) đứng ra lo mua sắm phẩm-vật cúng-kiêng và Ban công-quả phụ-nữ được khai-sanh và thành hình đến ngày nay.

Lúc bấy giờ, tài-sản của Hội chỉ có 5 căn phở, cho mướn từ 15\$00 đến 18\$00 một tháng.

Lăng-Miếu được tu-bồ một lần vào năm 1925. Sau đó có làm lê khánh-thành, và dốt pháo bông, cũng Ban Quản-Trị này có sáng-kiến trợ giúp nạn lụt ở Bắc và ở Trung và mở chương-mục ở Đông-Dương Ngàn-Hàng.

Ban Quản-Trị năm 1931 có bàn tịnh làm lễ kỷ-niệm 100 năm ngày tạ-thế của Đức Thương-Công nhưng vì năm ấy bị kinh-tế khủng-hoảng nên phải đình lại và không tổ-chức được.

BAN QUẢN-TRỊ THỨ BA 1932-1953

Năm 1932, Ông Trần-Văn-Chi tức KÝ cùng với một số nhàn-vật danh-tánh có khắc vò bằng cùm-thạch đè kỷ-niệm tại

Lăng-Miếu thay thế cho 20 vị của Ban Quản-Trị thứ nhì để tiếp-tục lo việc cho Hội Thượng-Công Qui-Tế đến ngày 19-4-1953.

Ban Quản-trị thứ ba gồm có Ông :

Trần-Văn-Chi-túc-Ký	:	Bùi-Văn-Phòng
Đỗ-Văn-Tảo	:	Hà-Quang-Đường
Lưu-Minh-Bôn	:	Trần-Đắc-Cử
Huỳnh-Văn-Khánh	:	Đinh-Văn-Lai
Lê-Tấn-Lực	:	Nguyễn-Văn-Mùi
Lê-Đình-Phuông	:	Nguyễn-Văn-Thanh
Nguyễn-Công-Thành	:	Huỳnh-Công-Thạnh

Bồ-Văm-Sầm

Huỳnh-Văn-Biên

Trần-Văn-Hà

Nguyễn-Thạch-Lân

Nguyễn-Văn-Nhản

Phạm-Văn-Tri

- Một bảng danh-sách qui vị hảo-tâm phùng-cúng để xây cất toàn-diện lại đền thờ Đức Thượng-Công vào năm 1937, tốn phí lối 30.000\$.
- Khởi công đầu năm 1937, Ban Hưng-công đã hoàn-mãm và một lê khánh-thành được tổ-chức linh-dinh với một chương trình hát bội trong 7 ngày đêm (từ 21 đến 27-6-1937).
- Vào thượng tuần tháng 11 năm 1948, Hội lại khởi công xây cất vòng thành Lăng-Miếu, và đến tháng 5 năm 1949 lại làm luôn cửa Tam-quan.

- Cái kho và rạp hát lô-thiên được cất vào tháng 8 năm 1948, để hát cho đồng-bào col, khôi vào bên trong Miếu.
- Xây cất Chánh-Điện và hai bên Đông-lang, Tây-lang ; có lẽ sau lê lạc-thành, thấy thiếu chỗ tiếp khách nên tháng 11 năm 1949 lại xây cất thêm phòng Khanh-tiết.
- Tiếp-tục trùng-tu Lăng-Miếu, Hội xin hủy bỏ hai bờn cỏ hai bên cạnh mộ, để mở rộng sân da.

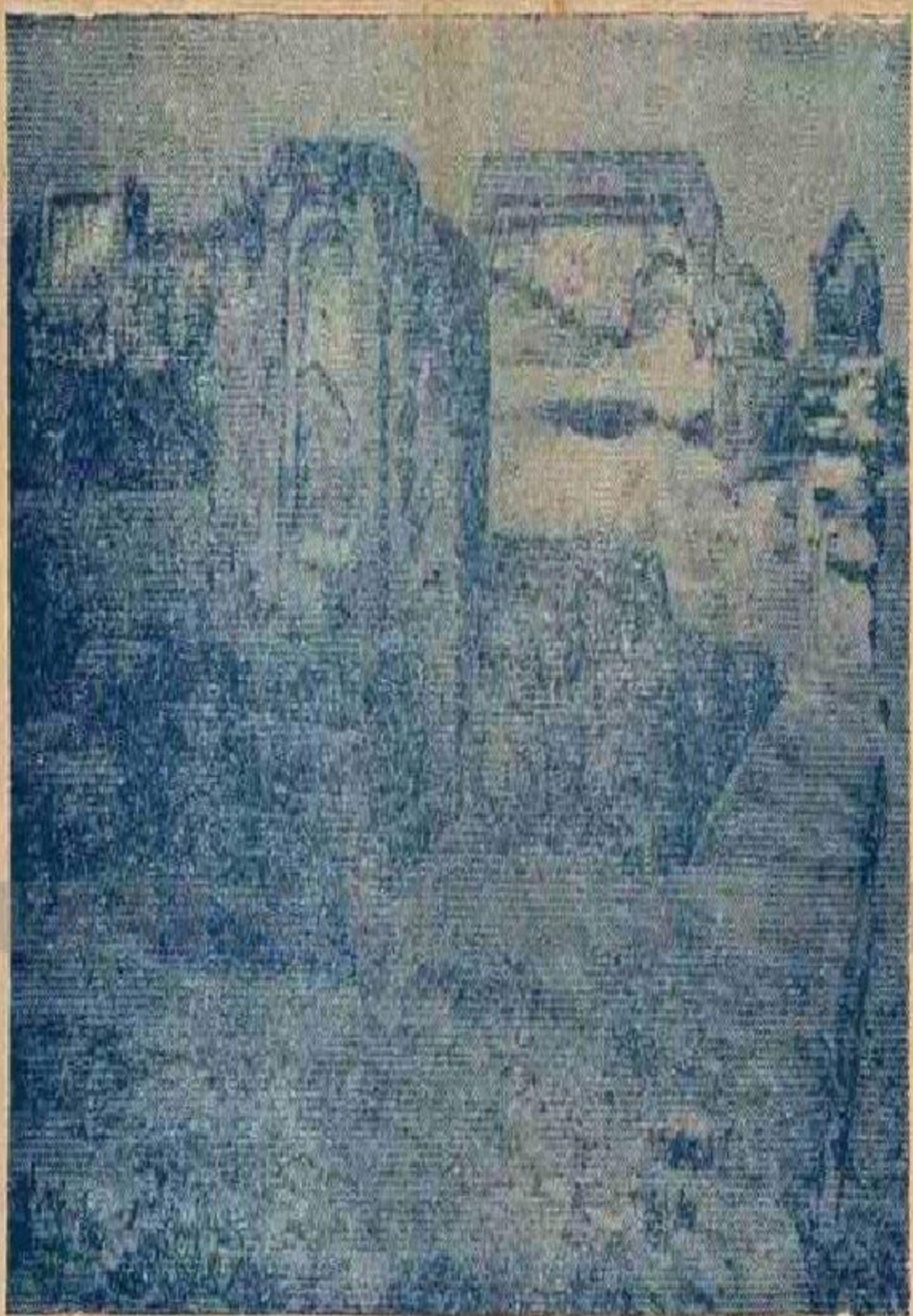
Nên biết là thời kỳ này, Sở Quốc-gia Bảo-tồn Cố-tịch, trụ-sở đặt ở Hà-Nội, mỗi việc xin phép cũng phải qua nhiều nơi mới được xay cất, mặc-dù có tiền nhưng đòi hỏi nhiều thiện-chi và kiên-nhẫn chờ đợi.

Ban Quản-Trị này có nhiều công trong việc trùng-tu và kiến-thiết. Vòng thành Lăng-Miếu được xay với mục-dich bảo-vệ sự tôn-nghiêm và an-ninh bên trong cho đồng-bào đến chiêm-bái Đức Thượng-Công.

Vòng thành Lăng-Miếu, trong thời-kỳ xay cất cũng bị chỉ-trích và xuyèn-tac tranh-chấp vì lê Điều-lệ của H.T.C.Q.T. nói trên không nêu rõ quyền-hạn của Hội với xã Bình-hòa, cho rằng hao tốn tiền của, nhưng đến sau này mới thấy nó làm tăng vē đẹp không những cho Lăng-Miếu, mà còn cho tinh-nhà có một bộ mặt linh-thiêng ở trước Tỉnh-duong.

Vì sự tiến-triền và nhu-cầu của Hội, nên năm 1944, Hội có xin sửa đổi lại bờn Điều-lệ, như: là việc xin cấp Pháp-luat, Năng-lực (Capacité juridique) để quản-lý tài-sản và tiền bạc do bá-tánh đóng cung.

Chánh-Phủ Decoux ra nghị định số 3112 ngày 14-4-1944



Toàn cảnh miếu mộ cụ Ông và cụ Bà (thân-sinh Đức-Thượng-Công) tại Long-hưng (Định-tường)

cấp cho Hội Thượng-Công Qui-Tế một Pháp-luật nǎng-lực.

Bản Điều-lệ năm 1944 cũng được chấp-thuận do nghị-định số 635 ngày 25-2-1944 của Thủ Thông-Đốc Nam-Kỳ.

Ban Quản-Trị này gồm có :

Ô.Ô. Trần-Văn-Chi tức Ky	: Bồ-Văn-Sầm
Hà-Quang-Đường	: Đinh-Văn-Lai
Trần-Văn-Cân	: Nguyễn-Văn-Đây
Lưu-Minh-Bồn	: Trần-Văn-Hà

Ban Quản-Trị này, vì vụ ông Cope « bị thôi phòng » mà bị tố-cáo, thơ rơi, bè phải gây tai-tiếng cho người trong Ban Quản-Trị phải ngã lòng nǎn chí.

Rốt cuộc Ban Quản-Trị này rút lui để Chánh-quyền tinh đặc-cử người đứng ra quản-xuyên việc Hội và cải-tò về sau cho được hoàn-bị.

Vì vậy Ban Quản-Trị thứ tư được cải-tò, Ông Nguyễn-Văn-Cứng làm Hội-Trưởng, trong phiên họp Đại-Hội ngày 19-4-1953 do Ông Nguyễn-Văn-Điệu, Tỉnh-trưởng Gia-dịnh, chủ tọa điều-khiển buổi hội.

Ban Quản-Trị này mới đặt lồng kiêng khóa Cope lại rồi đem vò trang-trí thành tả Thanh-Long, hữu Bạch-hồ.

BAN QUẢN-TRỊ THỨ TƯ (1953 - 1961)

Niên khóa 1953-1955

Ô.Ô. Nguyễn-Văn-Cứng	Hội-Trưởng
Bồ-Văn-Sầm	Phó Hội-Trưởng

Cao-Văn-Giàu	Tử-Hàng
Nguyễn-Văn-Nhung	Thủ-bôn
Trần-văn-Mời	Kiểm-soát
Trần-văn-Kiệt	Kiểm-soát
Nguyễn-Văn-Thanh	Cố-vấn
Lê-trí-Phú	Cố-vấn

Và một Ban Quản-Trị của niên khóa 1959 — 1961 với qui ống sau đây :

Nguyễn-Văn-Cứng	Hội-Trưởng
Huỳnh-Công-Thạnh	Phó Hội-Trưởng I
Trần-Bình-Cử	Phó Hội-Trưởng II
Nguyễn-Kim-Kỳ	Tổng-Thơ-Kỳ
Nguyễn-Trung-Thu	Phó Thơ-Kỳ
Trương-Văn-Thảo	Thủ-Bôn
Trần-Văn-Thanh	Phó Thủ-bôn
Nguyễn-Văn-Ty	Kiểm-soát-viên
Nguyễn-Văn-Hai	» » »
Phan-Bá-Đài	» » »
Huỳnh-Văn-Qui	Cố-Vấn
Tăng-văn-Tây	—
Nguyễn-Văh-Diệu	—
Cao-Văn-Quới	—

Ban Quản-Trị này bắt tay vào việc đã có nhiều cải-tò tốt dẹp như trước tiên lo soạn thảo Điều-lệ lại cho hạp trào lưu với sự trao đổi ý kiến giữa Đại-diện của Tỉnh-Trưởng Gia-dinh, Đại-diện xã Bình-hòa và một số Đại-diện cho Ban Quản-Trị

Hội Thượng-Công Qui-Tế bắt đầu từ ngày 15-5-53 tới ngày 7-9-53 mới được chấp-thuận.

Bản Điều-lệ này có nêu rõ Hội Thượng-Công Qui-Tế thay thế làng Bình-hòa về sắc-dụ của vua Tự-Đức.

Hệ-thống giữa chia khóa tủ sắt, khui tủ hàng tuần tiền bát-tanh dâng cúng do 3 vị giữ, hiệp đủ 3 vị và một số hội-viên chung-kiến mới được mở tủ ra, đã có từ đời Ban Quản-Trị thứ hai, nay đến Ban Quản-Trị này mới áp-dụng lại.

Sau khi đếm và sắp xếp thành từ loại giấy bạc ghi vào sổ, có chữ ký của các hội-viên hiện-diện để chứng-minh số tiền và việc làm của Ban Quản-Trị.

Cũng năm 953 một cải-tổ sâu rộng về việc cúng-tết mà nó đã thâm-nhiembre vào ý-thức người Việt chúng ta khi còn ở thời kỳ đồ-hộ.

Trước kia Hội Thượng-Công Qui-Tế cũng như các Hội Đinh-Làng, chùa Ông, đến ngày cúng via hay cúng Kỳ-Yên đều cúng Tam-sanh hoặc trâu, bò, heo, dê, ngỗng.

Ai cũng cho cúng-tết như vậy mới trùng theo cõi-tục.

Nghĩ vì cúng-tết Đức Thượng-Công có nghĩa là dâng cúng tết cầu phước cho bà-tanh, sao nô giết hại những con vật để cầu thọ cho mình ?

Hồi đó Hội có xin một cây xăm số 58 có câu : « Cầu đâu được đò, mọi việc đều xứng ý ». Như thế là chứng tỏ đã được Đức Tả-quán chấp-thuận.

Hội Thượng-Công Qui-Tế đã có đăng báo trong thời-kỳ

sửa đổi thâu-thập ý-kiến hay của quần-chủng.

Và từ năm 1953 đến nay, Hội vẫn giữ y lệ cúng-tết đã sửa đổi, rất trang-nghiêm và thật-tết, như chúng ta làm lê giỗ Ông Bà chúng ta.

Vấn-dè thấp hương thi cũng thấp với lòng thành-kính đài ba cây, Thành Ngài không vì dốt nhiều hay dốt ít mà khen hay quở, mà nền cần tránh bót lăng phi.

Từ năm 1953 đến năm 1955, lo chỉnh-lý nội-bộ và tu-chỉnh sô sách, kiện-toàn các việc tô-dièm bên trong.

Như : Xây đài chứa nước tưới huê-viên; cản tảng xi-măng cốt sắt đường danh-dự từ cửa Tam-quan vô điện thờ ; cản đá xanh da qui chung-quanh huê-viên, thay đổi các cửa sổ bong cây chữ Thọ bằng cửa sắt chạm lộng; xây cất Tây-diện để cản xứng với phòng khánh-tiết và có thêm nơi chiêm-bái, đở chen lấn vào các ngày lê Giỗ và Tất Ngnyén-Đán.

Vào thời-kỳ chỉnh-trang lanh-thồ, Hội có cản gạch khia xi măng trên các lề đường ngoài vòng thành Lăng-Miếu. Cản đá và tráng nhựa sân lớn, làm nơi đậu xe của bá-tánh đến chiêm-bái Đức Thượng-Công.

Vách tường chung-quanh Lăng-Miếu được tò đá rửa các cột gạch cho cản cầm-thạch và các bức thềm cho tò đá rửa.

Để tô-dièm cho Lăng-Miếu thêm phần cồ-kinh và chưng như chỉ riêng có Việt-Nam, mời có lối cản khuông biển nồi bằng miềng kiều màu, cho hai bên cửa phòng Khánh-tiết, và Tây-diện, 2 bên Đông-lang, Tây-lang và cả trên các nóc đèn bằng bóng và chim,

Tổ-chức hệ-thống ống xăm và kè xăm để bá-tánh tự di lấy là xăm và Hội chỉ phát cho những người không biết coi số mà thôi.

Sân quần-vợt về sau, cũng được dời đi; nhưng Hội Thương Công Qui-Tế phải giúp đỡ phuơng-tiện hết 130,000\$ để lập thành một khu Thể-Thao của Tỉnh dặng đem sân quần-vợt về đó.

Vào dịp tảo-mộ, một phái-doàn Hội Thương-Công Qui-Tế, gồm Ban Quản-Trị và hội-viên đi viếng mộ Tiền-quán của Đức Thương-Công ở Long-Hưng (Định-Tường) ngày 25 tháng chạp Đinh-Dậu (13-2-1958).

Nhân-tiện phái-doàn có đến viếng mộ Nội-tồ Đức Thương-Công ở làng Hòa-Khanh (Trà-Lot) gần Cai-lay cùng một nguy-

Đến mỗi nơi phái-doàn dâng cúng phẩm-vật, chiêm-bái ghi-chú các việc về mồ-mã và đất-dai nơi an-nghi của Nội-tồ và Thành-phụ của Đức Thương-Công,



Ở ngưỡng cửa bước vô Lăng mộ, có 4 câu liễn, do Hòa-Thượng Khanh-Anh Pháp-chủ Giáo-hội Tăng-gia Nam-Việt, thè theo ý-kiến của Hội Thương-Công Qui-Tế, viết ra ở cột trụ hai cửa vô và ra, sửa đổi lại như sau :

Cửa vô : — Thần lâm chứng lê khai tư đạo
— Nhân tần hành hương pháp thử môn

Cửa ra : — Thần tài quyết linh thường giảng phước
— Nhân hối thủ lễ xuất tư mòn.

Trước nhà Hương, bốn cột gạch nay đổi lại bằng cột cẩm-thạch vàn màu nâu lợt, đậm, có hai đổi đổi do một danh-nho tên tuổi miền Nam tặng :

- Chinh Thi-Nại phong công đệ nhứt
Thâu Qui-Nhơn di-tich vò song
- Phan-lang tá quốc tiền lương-tường
Gia-định cần vương hậu hiền-thần

Bên trong có nhiều đài liên và nhiều khuông biển sơn son thếp vàng và sơn mài, xin nêu biển ra đây một số ít :

- 1— Sanh vi tường, tử vi thần, khai quốc nguyên huân lưu
vũ-trụ.
- 2— Cẩm tất thông, cầu tất ứng, bảo dàn linh khi đổi sơn-hà
- 1— Hoành-sơn phục hồ vật sắc hội vàn long tiết viet chỉ
huy vi đế tà.
- 2— Gia trấn tôn hồng nhàn-dàn tư hân mā miếu đình sùng
báu biệt thiêng nam.

... các khuông biển :

- Khâm-sai quản mạng
- Uy chấn hoa di
- Danh thùy vũ-trụ
- Hộ ngã quản kiều
- Vạn dân vĩnh lại
- Anh-linh hiền thánh.

và các biến tật thần án :

- Ăn thảm tự hải
- Ăn trọng như sơn

Với một số biến tật treo ở Tày-diện, còn không biết bao nhiêu các món khác như lư đồng, liên, tượng, hoành-phi, tủ bàn, tàn lọng v.v... của bá-tánh dâng cúng để tạ lễ Đức Thượng Công, sau khi cầu xin một việc gì có hiệu quả... những món này nói lên sự linh biền của Ngài vậy.

BAN QUẢN TRỊ THỨ NĂM (1961 - 1963)

Về mặt trùng-tu và kiến-thiết năm 1961-1963 một Ban Quản-Trị tiếp nối cho Ban Quản-Trị mãn khóa, do Ông Huỳnh-Công-Thạnh làm Hội-Trưởng.

Với quý Ông : Nguyễn-Kim-Ký	Phó I Hội-Tướng
Lê-Văn-Phò	Phó II Hội-Tướng
Nguyễn-Trung-Thu	Tổng-thơ-Ký
Nguyễn-Hoàng-Quản	Phó Thơ-Ký
Bùi-Hữu-Hạnh	Thủ-Bôn
Trương-Văn-Thảo	Phó Thủ-Bôn
Nguyễn-Văn-Hai	Kiểm-soát-viên
Nguyễn-Văn-Diệu	-nt-
Nguyễn-Ánh-A	-nt-
Phan-Bá-Đài	Cố-Vấn
Lê-Văn-Lượng	-nt-
Cao-Văn-Quời	-nt-
Đỗ-Văn-Tảo	-nt-

Và tiếp nối một Ban Quản-Trị niên-khoa 1963-1965 lo việc
tố-tư và trùng-tu Lăng-Miếu.

Ô. Ô. Huỳnh-Công-Thạnh	Hội-Trưởng
Cao-Văn-Quới	Phó I Hội-Trưởng
Lê-Văn-Phô	Phó II Hội-Trưởng
Nguyễn-Kim-Ký	Tổng Thư-Ký
Nguyễn-Hoàng-Quân	Phó Thư-ký
Nguyễn-Trung-Thu	Thủ-Banden
Trần-Tấn-Quan	Phó Thủ-banden
Trần-Văn-Kiệt	Kiểm-soát-viên
Nguyễn-Ánh-Α	-nt-
Lê-Văn-Mi	-nt-
Nguyễn-Văn-Diệm	Cố-vấn
Đỗ-Văn-Tảo	—
Nguyễn-Hữu-Hộ	—
Nguyễn-Văn-Thà	—

Một đài chứa nước không đủ cung-cấp nước đi xa, tưới
khắp huê-viên nên Hội cho đào giếng và đặt thêm một máy
bơm nước tưới thẳng ra huê-viên.

Cửa nhà Hương đã sơn son thếp vàng và giàn cửa Chánh-
Điện được Ban Quản-Trị chấp-thuận cho sơn son thếp vàng
— y như cửa nhà Hương — như thấy hiện nay.

Buồng hát bội được vẽ và cắt lại cho phù hợp với cảnh
Lăng-Miếu, cũng sơn vàng đỏ và chỉ dựng lên trong những ngày
có hát cúng rồi dỡ cất.



LAWN

BAN QUẢN-TRỊ NIÊN-KHÓA 63-65 (từ trên xuống dưới và từ trái qua phải):
(1) Ông Cao-van-Quét — Ông Huỳnh-công-Thạnh — Ông Lê-van-Phò — Ông Trần-táo-Quan — Ông
văn-Mi — Ông Nguyễn-trung-Thu — Ông Nguyễn-baing-Quân — Ông Nguyễn-văn-Diệu — Ông Nguyễn-
abin-A — Ông Nguyễn-biuru-Hồ — Ông Hồ-van-Tào — Ông Nguyễn-văn-Thâ.

Ngày 29-12-62, Hội Thượng-Công Qui-Tế có mở cuộc họp báo tại Tây-diện Lăng-Miếu để nhờ các báo giúp biện-pháp chặn đứng nạn hái lộc và phò-biến để đồng-bảo thiện-tin thông cảm. Nhờ vậy mà năm 1962, nạn hái lộc đã giảm xuống rất nhiều. Chúng tôi tin-tưởng đồng-bảo thiện-tin sẽ nhận thấy việc hái lộc không còn hợp thời nữa và cũng nên bỏ đi để hợp với trào-lưu Cách-mạng.

Văn-phòng Ban Quản-Trị trước kia đặt sau bàn vọng Đức Thượng-Công ở Tây-diện, Hội cho dời qua Tây-lang sửa lại có ngăn-nắp và mua sắm kệ tủ để cất giữ những văn-kiện của Hội.

Sân Thiên-tinh cũng được dựng lên một nóc bằng tôle mica vừa nhẹ vừa khỏi bị mưa gió trong ngày giỗ Đức Thượng-Công, vì đầu tháng 8 âm-lịch, trời còn mưa. Nhà này cũng gò ráo hằng năm theo sự cúng-tết rồi dẹp cất.

Tiếp-tục cần gạch khía xi-măng cho phần còn lại nơi đường Trịnh-Hoài-Đức và trước hàng rào Lăng-Miếu chở sàn lớn xe đậu. Sửa lại hệ-thống và tăng-cường đèn ở huê-viên, ngừa kẻ trộm và người vào Lăng-Miếu ban đêm.

Và hiện nay năm 1964, một nhà kho có lầu được xây cất hầu dù chở cất giữ những buồng hát, nhà thiên-tinh, bàn ghế và những vật dụng của Lăng-Miếu và nơi cho công-nhan tắm rửa và nghỉ trưa.

Hành-diện thay cho nước Việt-Nam, có ngôi mộ và đền thờ của một đẳng danh-nhân, mà 10 năm sau này đã làm cho du-khách ngoại-quốc tới lui thăm viếng không ngớt.

Ngoài số du-khách thường, xin kể một vài phái-doàn thăm viếng chánh-thức như :

- Délégates Colombo Plan 9 th session 5 October 1957
- Phái-doàn Hội-nghị sơ-bộ Hành-chánh Đông-Nam-Á
- Phái-doàn Tỉnh-Trưởng và Cảnh-Sát Thái-lan
- Hội-nghị Hải-dương-học Đ.N.A
- Phái-doàn Nghị-sĩ Miến-Điện
- Phái-Đoàn Viện Hành-chánh Đại-Hàn dân-quốc
- Phái-Đoàn Hội thảo dinh-dưỡng Viễn-dong
- Phái-Đoàn Hải-quân Hoàng-gia Anh-quốc
- Sứ-thần Pháp.

Đến như chư Đại-Đức, nhứt là người Án ai cũng hết lòng thành-kinh đối với Đức Thượng-Công. Một Đại-Đức đã nói : « Khi máy bay hạ cánh là tôi xin được đến ngay Lăng-Miếu chiêm-ngưỡng trước, vì tôi rất mến đức và mến tài của Đức Lê Tả-quân ».

Về phần xã-hội, phước-thiện và đạo-đức thì Hội có đặt 4 máy nước hai bên đại-lộ Lê-Văn-Duyệt ra Cầu Bông cho đồng bào ở vùng này có nước dùng.

Giúp tài-chánh cho Bệnh-viện Nam-Việt (Chợ Rẫy) ; trợ giúp Hội Hồng - Thập - Tự V.N để cứu-giúp đồng-bào trong những cơn thiêng-tai ; hiến Bệnh-viện Nguyên-Văn-Học 2 máy điều-hòa không-khi, trong khi các bệnh-viện chưa trang-bị máy này.

Trợ giúp trường Tiểu-Học Gia-định, trường Võ-Tánh Phú-nhuận, trường Lê-Văn-Duyệt Phước-Hải, có đủ bàn ghế, lớp học.

Giúp tiền cho cháu 5 đời của Đức Thượng-Công xây cất

phủ thờ Đức Thương-Công ở Thừa-Thiên (Trung-phần Việt-Nam) Ủng-hộ xây cất Chùa-y-Viện Tân-Bình của Phân-Bộ Hồng-thập-Tự V.N tỉnh Gia-dịnh.

Trái cây của bà-tánh cũng trong 3 rầm lớn, lê giỗ và Tết, những phần được kiển lại Hội, thì Hội đem cho các trại Cải-huấn.

Còn trái cây cũng được kiển lại cho Hội trong những ngày mồng 1 và rầm mỗi tháng thì Hội luân phiên tặng cho Viện Mồ-coi, Viện Dưỡng-Lão, Áu-trí-Viện, Ký-Nhi Viện, Dưỡng Tri Viện Biên-Hòa, Bệnh-viện Nguyễn-Văn-Học v.v...

Ngoài ra Hội còn giúp nhiều cơ-quan xã-hội, phước-thiện và đạo-đức : Hội Đức-Anh, Hội Phước-thiện Đồng-Bạc Học-sinh và Đứa Con Còi, Hội Bảo-Iợp Nhi-Đồng, Hội Truyền-bá Quốc-ngữ, Chiến-dịch Thanh-toán Nạn mù chữ, Trại Giáo-hoa Thủ-Đức, Áu-Trí-Viện Gia-dịnh, Hội Chùa-tế xã-hội Gia-dịnh v.v..

Ủng-hộ thường năm đề phát quà cho đồng-bào bị giam ở các trại Cải-huấn trong dịp Xuân về, và Trung-nguơn.

Ủng-hộ Cây Mùa-Xuân và Tết Trung-Thu cho nhiều trẻ em Nhi-dồng.

Giúp các nạn thủy, hỏa-tai.

Ủng-hộ trùng-tu và xây cất các Lăng-Miếu có liên-hệ với Lăng-Miếu Đức Thương-Công và cũng giúp các Đình, Chùa, Lăng-Miếu trong những dịp Kỳ-yên hay khánh-thành.



Trước Lăng mộ có bia Tiêu-sử dựng năm 1894 kề công-trạng và anh-hình của Đức Tả-quân, do Ông Hoàng-Cao-Khai đề tặng. Vào thời kỳ di-cư, đồng-bào thấy tên Hoàng-Cao-Khai không bằng lòng, cho đó là một tên Việt-gian và đề-nghị Chánh Phủ cho triệt-hã văn-bia.

Chánh-quyền và Viện Khảo-Cồ đều đồng ý bắt buộc Hội Thượng-Công Qui-Tế phải xuất quỹ lập văn-bia khác.

H.T.C.Q.T. đưa nhiều lý-lẽ để bảo-vệ văn-bia, như phải bảo-tồn một di-tích được liệt hạng cồ-tich Việt-Nam, nếu mỗi triều-dai đều phá bỏ thì còn gì là ý-nghĩa bảo-tồn cồ-tich ?

Rốt cuộc, Nha Bảo-Tồn Cồ-tich cũng bắt buộc Hội soạn thảo văn-bia trình cho Nha cựu xét, nhưng đến nay vẫn êm luén.

HIMSACH.COM.VN



Từ Đô-thành vào tinh-ly và từ cổng Tam-quan vào trong đền, nhìn thấy khói hương tua tua khắp nơi và không lúc nào dứt, chứng tỏ niềm tin-tưởng của dân-chúng, đồng-thời sự nỗ lực xây-dựng, bồi-bổ hiện nay của Hội Thượng-Công Qui-Tế đối với một vị Khai-quốc Công-thần.



MỤC-LỤC

	Trang
I.— Lời nói đầu.	5
II.— Trong lúc Lê-Công còn thơ ấu.	11
III.— Lê-Công ra giúp nước.	16
IV.— Xuất trận lập kỳ-công.	20
V.— Bình-dịnh rạng danh	22
VI.— Đánh chiếm Phú-xuân.	27
VII.— Või chức Chưởng Tả-quân-dinh.	31
VIII.— Lãnh Gia-dịnh-thành Tồng-trấn	34
IX.— Thợ cỗ-mạng di chiếu.	37
X.— Lai lanh Gia-dịnh-thành Tồng-trấn	40
XI.— Phò-mã da-da và... Lăng-Ông Thượng.	45
XII.— Cái án Lê-Tả-quân.	48

PHỤ-LỤC

— Câu chuyện sú-địa.	57
— Tuồng San Hậu viết trong trường hợp nào.	61

SANH-HOẠT CỦA HỘI THƯỢNG-CÔNG QUÍ-TẾ

— Lăng Ông Bà Chiêu có tự hồi nào?	69
— Lai-lịch và hoạt động của hội.	77



MỤC-LỤC

	<i>Trang</i>
I.— Lời nói đầu.	5
II.— Trong lúc Lê-Công còn thơ ấu.	11
III.— Lê-Công ra giúp nước.	16
IV.— Xuất trận lập kỳ-công.	20
V.— Bình-định rạng danh	22
VI.— Đánh chiếm Phú-xuân.	27
VII.— Với chức Chưởng Tả-quân-dinh.	31
VIII.— Lãnh Gia-định-thành Tông-trấn	34
IX.— Thợ cỗ-mạng di chiếu.	37
X.— Lai lảnh Gia-định-thành Tông-trấn	40
XI.— Phò-mã da-da và... Lăng-Ông Thượng.	45
XII.— Cải án Lê-Tả-quân.	48

PHỤ-LỤC

— Câu chuyện sú-địa.	57
— Tuồng San Hau viết trong trường hợp nào.	61

SANH-HOẠT CỦA HỘI THƯỢNG-CÔNG QUÍ-TẾ

— Lăng Ông Bà Chiều có tự hồi nào ?	69
— Lai-lịch và hoạt động của hội.	77

45

HỘ KHẨU SÁCH CƠ KHÍ. NĂM